

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2020 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN

**P** hát huy kết quả đã đạt được trong năm 2019, để thực hiện đạt kết quả cao nhất theo phương châm hành động của Chính phủ năm 2020 là “*Kỷ cương, liêm chính, hành động, trách nhiệm, sáng tạo, hiệu quả*”. Tập thể Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ luôn chỉ đạo sát sao để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị được giao thể hiện trên những kết quả nổi bật trong công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2020:

**\* Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật về hoạt động khoa học và công nghệ:** năm 2020 đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành mới 01 văn bản: Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 03/12/2020, ban hành Quy định xác định nhiệm vụ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**\* Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:** trong năm đã triển khai thực hiện 38 đề tài, dự án: có 20 nhiệm vụ tiếp chi (05 nhiệm vụ thuộc Chương trình NTMN, 01 nhiệm vụ cấp thiết địa phương) 14 nhiệm vụ cấp tỉnh), năm 2020 triển khai mới 11 nhiệm vụ và bổ sung 07 nhiệm vụ với cơ cấu được phân bổ như sau: nông, lâm nghiệp, thủy sản: 21 danh mục chiếm 55,26%; Khoa học xã hội và nhân văn: 11 danh mục chiếm 28,95%; Công nghệ thông tin: 02 danh mục chiếm 5,26%; Y tế, giáo dục: 03 danh mục



*Đồng chí Nguyễn Đức Hạnh - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phát biểu tại Hội nghị tổng kết ngành KHCN, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.*

*Ảnh: Gia Bảo*

chiếm 7,89%; Các lĩnh vực khác: 01 danh mục chiếm 2,64%.

Các nhiệm vụ triển khai trong lĩnh vực nông nghiệp góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc quy hoạch phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh, xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị các sản phẩm nông sản chủ lực. Đối với lĩnh vực xã hội nhân văn các nhiệm vụ tập trung vào nghiên cứu, bảo tồn, giữ gìn phát huy giá trị văn hóa các dân tộc tỉnh Điện Biên phục vụ phát triển du lịch, góp phần cung cấp các cơ sở lý luận, thực tiễn trong việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh.

**\* Công tác quản lý sở hữu trí tuệ:** năm 2020 hướng dẫn 03 cơ sở đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: nhãn hiệu “Nông trại Hoàng Việt”; nhãn hiệu “Moon food”; nhãn hiệu “Linh Nam”.

Tính đến tháng 12 năm 2020, toàn tỉnh Điện Biên có 114 đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu được nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ, trong đó có 55 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu được cấp (54 nhãn hiệu thông thường, 01 nhãn hiệu tập thể); 01 chỉ dẫn địa lý.

Triển khai hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện quy định về ghi nhãn hàng hóa, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, hoàn thiện mẫu mã, bao bì sản phẩm hàng hóa, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm OCOP trên địa bàn thị xã Mường Lay và huyện Tủa Chùa.

Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Quản lý chỉ dẫn địa lý “Điện Biên” cho sản phẩm gạo Bắc thơm số 7 và IR64 của tỉnh Điện Biên để quản lý hiệu quả công tác chỉ dẫn địa lý cho 2 loại gạo nổi trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**\* Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh:** đã thành lập trang Fanpage: “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên” và đăng tải các thông tin về hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh trên trang, tổ chức các lớp tập huấn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các cá nhân, tổ chức để từng bước xây dựng và phát triển hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

**\* Hoạt động phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân:** tính đến tháng 12/2020, trên địa bàn tỉnh Điện Biên có 26 cơ sở bức xạ với tổng số 73 thiết bị. Trong đó có 24 cơ sở X - quang y tế (68 thiết bị), 02 cơ sở không phải cơ sở X - quang y tế (Cảng hàng không Điện Biên: 03 máy soi hành lý; Công ty cổ phần xi măng Điện Biên: 02 máy phát tia X), trong năm 2020 đã hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định



*Đồng chí Nguyễn Đình Kỳ - Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trao giấy khen cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong năm 2020.*

*Ảnh: Gia Bảo*

hồ sơ và tham mưu cho sở cấp 12 Giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp 04 chứng chỉ nhân viên bức xạ; cấp 02 Giấy xác nhận khai báo thiết bị X - quang chẩn đoán trong y tế.

**\* Hoạt động thông tin khoa học và công nghệ:** trong năm 2020 đã thực hiện thu thập được 17 nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang tiến hành sử dụng ngân sách nhà nước. Tiến hành đăng ký, lưu giữ và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết quả nhiệm vụ khoa học công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cho 09 đơn vị. Hoàn thành theo đúng kế hoạch về việc xuất bản, phát hành Thông tin Kinh tế-Khoa học-Công nghệ phục vụ lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, lãnh đạo các huyện, thị, thành phố, lãnh đạo các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã.

Khai thác, sử dụng nguồn tin trên hạ tầng mạng thông tin KH&CN để phát triển nguồn tin KH&CN đảm bảo cung cấp nền tảng tri thức KH&CN trong tỉnh và trong nước phong phú, đầy đủ và cập nhật, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**\* Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng:** hướng dẫn các cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) trên địa bàn tỉnh thực hiện quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh LPG (văn bản số 61/TĐC-QLCL ngày 06/8/2020). Trong năm tiến hành kiểm tra 04 cuộc tại 10 tổ chức với 11 cơ sở theo kế hoạch được phê duyệt, gồm: 04 tổ chức kinh doanh xăng dầu (trong đó có 01 cửa hàng thuộc Công ty Cổ phần TM&XD Ngọc Ánh kinh doanh xăng dầu và kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng), 01 cửa hàng vàng, bạc, 02 tổ chức kinh doanh thiết bị điện, điện tử, 02 Trung tâm Y tế, 01 cơ sở kinh doanh hàng đóng gói sẵn. Kết quả không có tổ chức, cá nhân vi phạm về đo lường.

Tiếp nhận 01 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng nhập khẩu của Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma; số 218, đường Trần Hưng Đạo, phường Đoàn Kết, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu). Hướng dẫn đăng ký sử dụng mã số mã vạch cho cơ sở sản xuất miễn dong Lộc Biên địa chỉ: đội 8, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

**\* Công tác thanh tra:** thực hiện 09 cuộc thanh tra, kiểm tra các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ đối với đề tài, dự án; an toàn bức xạ; tiêu chuẩn đo lường chất lượng và việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ tại các huyện, thành phố; tham gia 02 đoàn thanh tra liên ngành về an toàn thực phẩm tết nguyên đán Canh Tý năm 2020 và tháng hành động vì an toàn thực phẩm năm 2020; kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với 01 đơn vị. Kết quả: không phát hiện vi phạm.

**\* Đánh giá chung:** trong năm 2020, công tác quản lý nhà nước về khoa học công nghệ đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo,



*Đồng chí Nguyễn Đình Kỳ - Phó Giám đốc Sở KH&CN - Chủ trì hội đồng xét duyệt dự án “Ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật xây dựng một số mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả góp phần nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo tại các xã: Pu Nhi, Nong U, huyện Điện Biên Đông”.*

**Ảnh: Bảo Lộc**

chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ; sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành và sự cố gắng nỗ lực của đội ngũ công chức, viên chức ngành khoa học và công nghệ nên hoạt động khoa học và công nghệ được tổ chức thực hiện đảm bảo theo quy định.

Công tác quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân trên địa bàn tỉnh Điện Biên đã đạt được những kết quả tích cực. Các cơ sở tiến hành công việc bức xạ trên địa bàn tỉnh đã có những bước thay đổi đáng kể về mọi mặt, nhận thức về pháp luật an toàn bức xạ ngày một nâng cao, tuân thủ đầy đủ hơn các quy định đảm bảo an toàn bức xạ của Luật Năng lượng nguyên tử.

Công tác cấp phép nhìn chung đáp ứng tốt các yêu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn bức xạ hạt nhân, không để chậm trễ về thời gian theo quy định, chất lượng xử lý hồ sơ được nâng lên, có những cải tiến trong xử lý hồ sơ cấp phép và tuân thủ đầy đủ các quy định của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015.

Lĩnh vực sở hữu trí tuệ: tổ chức thành công lớp tập huấn “Xây dựng và Phát triển thương hiệu cho sản phẩm địa phương” và “Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý (CDĐL) cho sản phẩm gạo Điện Biên của tỉnh Điện Biên”. Thông qua hội nghị tập huấn, các đại biểu được bổ sung kiến thức về hệ thống pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; các hình thức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đặc sản địa phương: chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; trình tự, thủ tục, hồ sơ để nộp đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý; bảo vệ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các đặc sản truyền thống. Hướng dẫn điều kiện, thủ tục, quy trình đánh giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”; hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm OCOP.

Về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo: tổ chức thành công Hội nghị tập huấn “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên trên địa bàn tỉnh Điện Biên”. Thông qua các hội nghị tập huấn, các đại biểu được bổ sung kiến thức về đổi mới sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp, phân biệt Khởi nghiệp đổi mới

sáng tạo (KNĐMST) và Khởi sự kinh doanh truyền thống, hành trình các bước KNĐMST, xây dựng Mô hình kinh doanh cho ý tưởng khởi nghiệp.

Hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã thực hiện tốt các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động chuyên ngành tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức, viên chức được quan tâm thực hiện. Hoạt động thanh tra, kiểm tra được đẩy mạnh và ngày càng có hiệu lực, hiệu quả, công tác hướng dẫn người tiêu dùng, tổ chức, phối kết hợp thanh, kiểm tra chất lượng hàng hóa có hiệu quả, đặc biệt là trong dịp lễ, tết bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

Tập trung thực hiện tốt các hoạt động thông tin về khoa học công nghệ nhằm nâng cao vai trò của ngành khoa học và công nghệ, tuyên truyền rộng rãi về các thành tựu khoa học công nghệ đóng góp vào sự phát triển KT-XH và tôn vinh các nhà khoa học./.

**Minh Hằng**

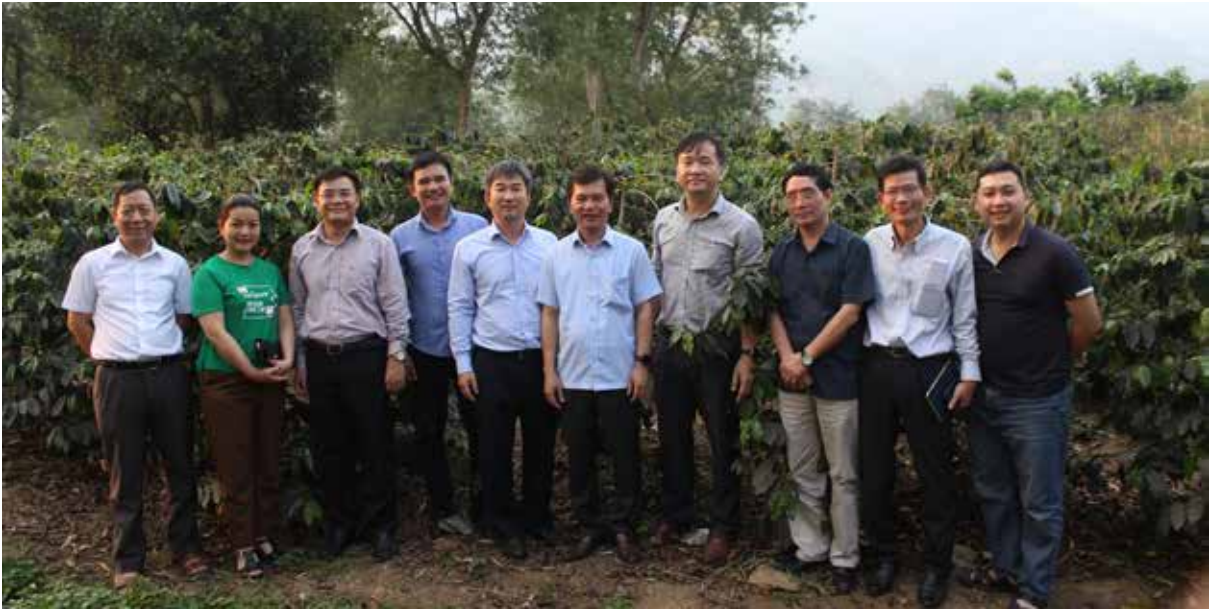
Sở Khoa học và Công nghệ

## ĐOÀN CÔNG TÁC CỦA CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐẾN THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH ĐIỆN BIÊN

Từ ngày 19/3 - 20/3/2021, Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức đoàn công tác bao gồm ông Đỗ Hồng Giang - Vụ trưởng Vụ Pháp chế, ông Phan Ngân Sơn - Phó Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, lãnh đạo và chuyên viên Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ tư vấn cùng một số chuyên gia về sở hữu trí tuệ đến làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ (KHCN) tỉnh Điện Biên, trao đổi một số nội

dung liên quan đến chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030, khảo sát, trao đổi các vấn đề liên quan đến công tác hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ tại địa phương.

Ngày 19/3/2021, đoàn làm việc tại UBND huyện Mường Ảng, khảo sát thực tế để xác định cơ sở khoa học, thực tiễn triển khai phục vụ xây dựng thương hiệu cho sản



*Đoàn làm việc Cục Sở hữu trí tuệ và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên tại vườn cà phê huyện Mường Ảng.*

**Ảnh: Thanh Tùng**

phẩm cà phê của huyện Mường Ảng. Cùng làm việc với đoàn, về phía Sở KH-CN có ông Lê Văn Quang - Phó Giám đốc Sở, lãnh đạo và chuyên viên Phòng QLCN-ATBX, HN-SHTT; về phía huyện Mường Ảng có ông Tạ Mạnh Cường - Phó chủ tịch UBND huyện, lãnh đạo Phòng Kinh tế Hạ tầng, phòng NN&PTNT huyện Mường Ảng.

Theo báo cáo của UBND huyện Mường Ảng, diện tích trồng cà phê của huyện là 2.939 ha. Sản lượng thu hoạch cà phê trâu ước đạt 2.500 tấn/ năm. Năng suất trung bình đạt 4,5 tấn quả tươi/ha, năng suất cà phê trâu đạt 9 tạ/ha. Vùng cà phê có năng suất, chất lượng cao tập trung tại các xã: Ảng Nưa, Ảng Tở, Ảng Cang, Thị trấn Mường Ảng. Cây cà phê đã được khẳng định là cây thể mạnh của huyện, giúp người dân giải quyết tương đối nguồn lao động nhàn rỗi trong nông nghiệp, tăng thu nhập cho người dân, từng bước cải thiện đời sống, xóa đói, giảm nghèo.

Tại buổi làm việc, huyện Mường Ảng đề xuất với Sở KH-CN, Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT)

về mong muốn xây dựng thương hiệu đối với sản phẩm cà phê Mường Ảng nhằm nâng cao giá trị sản phẩm, thúc đẩy tổ chức sản xuất liên kết, mở rộng thương mại. Cục SHTT nhất trí trong thời gian tới sẽ hỗ trợ về chuyên môn, hỗ trợ UBND huyện Mường Ảng và Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất nội dung triển khai xây dựng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm cà phê của huyện vào danh mục nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2021-2025.

Sáng ngày 20/3/2021, đoàn công tác làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ. Cùng làm việc với đoàn có ông Nguyễn Đức Hạnh - Giám đốc Sở, ông Lê Văn Quang - Phó Giám đốc Sở cùng lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc sở.

Sở KH-CN báo cáo tổng quan về hoạt động quản lý nhà nước về SHTT trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020. Bên cạnh việc tổng kết, đánh giá những kết quả đã đạt được, báo cáo cũng đã chỉ ra những khó khăn, bất cập còn tồn tại trong thời gian qua

và thách thức trong tương lai khi triển khai hoạt động quản lý nhà nước về SHTT ở địa phương, đặc biệt là công tác xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, các sản phẩm OCOP.

Sở KH&CN tỉnh Điện Biên đề nghị Cục SHTT tiếp tục hỗ trợ tỉnh Điện Biên trong việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030, đặc biệt ưu tiên hỗ trợ kinh phí xây dựng thương hiệu cho sản phẩm cà phê Mường Ảng và chè Shan tuyết cổ thụ Tủa Chùa; hỗ trợ để xử lý đơn đăng ký sở hữu công nghiệp kịp thời cũng như trao đổi, cung cấp thông tin về sở hữu công nghiệp, tăng cường hỗ trợ khai thác sáng chế,...

Ông Phan Ngân Sơn, Phó Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá những kết quả mà tỉnh Điện Biên đạt được trong thời gian qua trong việc triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030, Chương trình phát triển tài sản trí tuệ, các hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ ở địa phương. Trong

thời gian tới, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ tạo điều kiện giúp đỡ, thúc đẩy hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ của tỉnh Điện Biên.

Lãnh đạo Cục SHTT và Lãnh đạo Sở KH&CN tỉnh Điện Biên đều nhất trí cao trong việc tăng cường hơn nữa hợp tác giữa hai cơ quan để góp phần xây dựng hệ thống SHTT toàn diện hơn. Cục SHTT mong muốn nhận được sự góp ý của Sở KH&CN trong các vấn đề quan trọng liên quan đến sửa đổi, bổ sung Luật SHTT, triển khai Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030. Đồng thời đề nghị tỉnh tiếp tục quan tâm đến việc thực hiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về SHTT nói chung và phát triển tài sản trí tuệ nói riêng, gắn kết các hoạt động SHTT với chiến lược, kế hoạch phát triển KH-XH của tỉnh; tăng cường hỗ trợ kiểm soát nguồn gốc, chất lượng, xây dựng chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và người dân có sản phẩm được bảo hộ./.

**Thu Hoài**

Sở Khoa học và Công nghệ

## **HIỆU QUẢ TỪ CÁC DỰ ÁN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**T**rong những năm qua, tỉnh Điện Biên được Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) hỗ trợ thực hiện một số dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi. Chương trình thực sự đã có tác động rất lớn và tích cực, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội, góp phần cải thiện đời sống nhân dân, tạo đà ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Là tỉnh có tiềm năng rất lớn để phát

triển nuôi trồng thủy sản, những năm qua, tỉnh Điện Biên đã ban hành nhiều chính sách quan tâm đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản, từng bước xây dựng chuỗi sản xuất, tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân.

Các dự án nuôi trồng thủy sản thuộc Chương trình Nông thôn miền núi được triển khai tại Điện Biên trong thời gian qua đã giúp chuyển giao thành công nhiều tiến bộ KH&CN

đến người dân, được chính quyền địa phương quan tâm và người dân hưởng ứng, tham gia nhiệt tình. Kết quả thực hiện các dự án đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ nét, góp phần xóa đói, giảm nghèo cho địa phương. Mặc dù số lượng dự án của Chương trình triển khai trên địa bàn tỉnh chưa nhiều, nhưng đã chuyển giao được nhiều mô hình sản xuất, quy trình công nghệ nuôi, phù hợp với địa phương.



Mô hình nuôi cá Hồi vân trong bể xi măng tại xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo.

Ảnh: Nguyễn Hương

Bên cạnh đó, thông qua các dự án thuộc Chương trình đã đào tạo được một số kỹ thuật viên cơ sở là cán bộ khuyến nông địa bàn triển khai dự án như xã Noong Luông, Pá Khoang, Mường Phăng; cán bộ kỹ thuật của Doanh nghiệp, Hợp tác xã; tập huấn cho hàng trăm lượt người dân nắm được các tiến bộ KH&CN do các dự án chuyển giao. Đây là lực lượng lao động cần thiết để duy trì và phát triển nhân rộng các mô hình sau khi dự án kết thúc. Các dự án đã mang lại những hiệu quả tích cực, đem lại cho địa phương các kiến thức, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, đa dạng đối tượng nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nuôi trồng thủy sản.

Một số kết quả cụ thể của một số dự án nông thôn miền núi đã và đang được thực hiện trên địa bàn tỉnh đối với các đối tượng nuôi khác nhau.

#### **Nhóm cá nước lạnh:**

Dự án: Ứng dụng công nghệ nuôi cá Hồi

vân (*Oncorhynchus mykiss*) trong bể xi măng tại xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên do Trung tâm Khuyến nông - Giống cây trồng, vật nuôi tỉnh Điện Biên chủ trì thực hiện từ năm 2018-2020.

Dự án đã xây dựng được 02 mô hình ương giống cá Hồi vân và mô hình nuôi thương phẩm cá Hồi vân. Nhờ áp dụng tốt quy trình kỹ thuật được chuyển giao, sau 02 năm thực hiện dự án đơn vị chủ trì đã tiếp nhận và làm chủ ương cá giống và nuôi thương phẩm cá Hồi vân trong bể xi măng phù hợp với địa phương chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu trên địa bàn nhằm phát triển kinh tế tạo việc làm, tăng thu nhập. Công ty TNHH Sơn Hạnh Tuần Giáo đã làm chủ công nghệ, tiếp thu thành quả vật chất từ dự án mở rộng quy mô trang trại, hợp tác với một số người dân trong vùng mở rộng sản xuất đầu tư xây dựng các đại lý và nhà hàng nhằm tăng sản lượng và hiệu quả kinh tế.



Cá chép V1 được nuôi tại hồ Pa Khoang, tỉnh Điện Biên.

Ảnh: Phạm Liên

Kết thúc dự án sản lượng cá giống thu được 13.041 con đảm bảo chất lượng cỡ cá đồng đều, khỏe mạnh, đạt 108,7%; Sản lượng cá thương phẩm 4,2 tấn, an toàn vệ sinh thực phẩm, đạt 110 % mục tiêu dự án đề ra.

Đào tạo 10 kỹ thuật viên, 45 hộ nông dân được tập huấn kỹ thuật ương giống và nuôi thương phẩm cá Hồi vân trong bể xi măng. Đây là lực lượng tuyên truyền phát triển nuôi cá Hồi vân trong bể xi măng trên địa bàn khi dự án kết thúc.

#### **Nhóm đối tượng truyền thống:**

Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình ương cá giống và nuôi cá Trắm đen thương phẩm trong ao trên địa bàn tỉnh Điện Biên”.

Thực hiện dự án cơ quan chủ trì được tiếp nhận chuyển giao các Quy trình kỹ thuật của Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước

ngọt miền Bắc. Quy mô dự án 1,2ha ương giống và 2 ha nuôi thương phẩm. Dự án có sự tham gia của Doanh nghiệp 08 hộ dân là đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Noong Luông và Hợp tác xã Thủy sản Hương Phú. Dự án cho kết quả khả quan với mô hình ương giống năng suất đạt 4,8 tấn/ha, tỷ lệ sống 90%; mô hình nuôi thương phẩm sau 17 tháng nuôi cỡ cá trung bình đạt 3-3,5kg/con, năng suất 14,7 tấn/ha tỷ lệ sống trung bình 85%. Đây là mô hình nuôi cho hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh, cá ít bị dịch bệnh đặc biệt ngoài sử dụng thức ăn công nghiệp cá Trắm đen còn ăn các loại động vật đáy và ốc bươu vàng cỡ nhỏ góp phần bảo vệ môi trường và tận dụng được nguồn thức ăn tự nhiên sẵn có. Các mô hình của dự án đã đạt và vượt các chỉ tiêu kỹ thuật đề ra.

Hiện nay, các mô hình của dự án vẫn được duy trì và phát triển tốt. Với những thành công của dự án, hiện nay đang xây dựng dự



án triển khai nhân rộng trên toàn huyện với Quy mô trung bình khoảng 4-5ha/năm.

### Nhóm đối tượng đặc sản

Dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Bống (Spinibarbus denticulatus) và cá Chép V1 (Cyprinus) trong lồng theo chuỗi giá trị tại hồ Pá Khoang tỉnh Điện Biên”

Đến nay dự án đã nghiệm thu đánh giá kết quả của 20 lồng cá Chép V1 thương phẩm sau 11 tháng nuôi cỡ cá trung bình 1,7-2kg/con, tỷ lệ sống đạt trên 85%, cỡ cá đồng đều màu sắc đẹp thịt săn chắc. Hiện dự án đang tiếp tục chăm sóc 10 lồng cá Bống thương phẩm và 20 lồng cá Chép V1 thả nuôi đợt 2 (thả giống tháng 01/2021) dự án có sự tham gia của các xã viên Hợp tác xã Thủy sản Mường Phăng. Ngoài quy mô dự án, đơn vị vẫn đang mở rộng quy mô và phát triển đa dạng các đối tượng thủy sản khác.

Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi ba ba gai (Pilea steindachderi) thương phẩm tại tỉnh Điện Biên” được Bộ Khoa học

và Công nghệ phê duyệt tháng 11 năm 2020 do công ty Công ty TNHH ATC Điện Biên chủ trì thực hiện. Với mục tiêu xây dựng mô hình sản xuất giống và nuôi ba ba gai thương phẩm ở quy mô hàng hóa: 1500 con ba ba gai bố mẹ; sản xuất và nuôi 12.000 con giống kích cỡ 100-120 g/con; nuôi thương phẩm với quy mô 3.500 m<sup>3</sup>.

Những năm qua, nhờ việc thực hiện các dự án của Chương trình đã mang lại những hiệu quả tích cực về khoa học công nghệ, chuyển giao và làm chủ được công nghệ sản xuất các giống chất lượng cao, đào tạo được các kĩ thuật viên cơ sở, các cán bộ quản lý khoa học và tập huấn cho nông dân được tiếp nhận các công nghệ mới. Chương trình đã xác định được công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương, xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nuôi trồng thủy sản, tạo thêm công ăn việc làm góp phần giải quyết lao động dôi dư ở nông thôn.

**Phạm Liên**

Sở Khoa học và Công nghệ

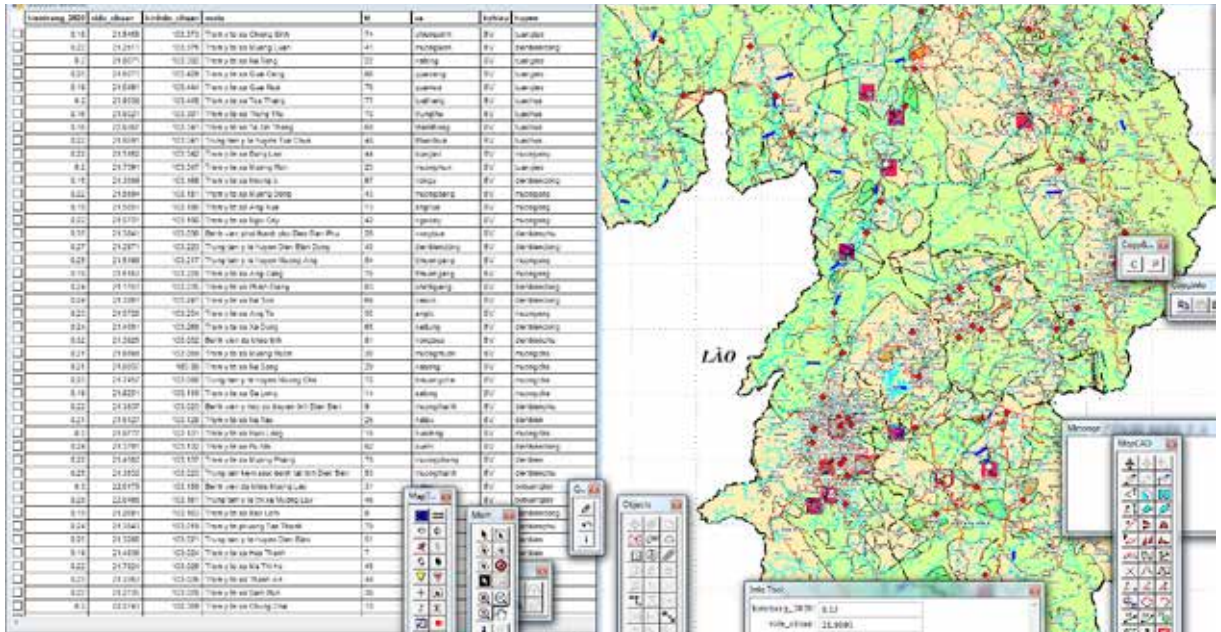
## KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

### “KIỂM SOÁT, CẬP NHẬT BẢN ĐỒ PHÒNG PHÓNG XẠ VÀ ĐÁNH GIÁ AN TOÀN BỨC XẠ CÁC ĐIỂM TRỌNG YẾU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN”

**Đ**ể đánh giá thực trạng phong phóng xạ môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên phối hợp với Trung tâm Địa môi trường và Tổ chức Lãnh thổ triển khai thực hiện nhiệm vụ Kiểm soát, cập nhật bản đồ phong phóng xạ và đánh giá an toàn bức xạ các điểm trọng yếu địa bàn tỉnh Điện Biên. Đây là cơ sở để quản lý, giảm thiểu những tác hại xấu của bức xạ có thể xảy ra,

góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh Điện Biên.

Mục tiêu của nhiệm vụ nhằm đo đạc, đánh giá an toàn bức xạ, xác định suất liều bức xạ Gamma, Radon trong không khí tại các điểm trọng yếu trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Đánh giá hiện trạng an toàn bức xạ và ảnh hưởng của bức xạ đến môi trường xung quanh và con người; đề xuất các giải pháp khả



*Dữ liệu điểm đo phóng xạ tại các khu dân cư.*

thi thiết thực giảm thiểu ô nhiễm bức xạ đến sức khỏe con người và các biện pháp phòng ngừa, giải quyết, khắc phục sự cố phóng xạ nêu có xảy ra trên địa bàn; cập nhật giá trị đo phóng xạ (suất liều phóng xạ) vào bản đồ phóng xạ theo tỷ lệ 1/100.000.

Qua điều tra, khảo sát trên địa bàn toàn tỉnh, kết quả như sau:

Giá trị trung bình suất liều bức xạ gamma toàn tỉnh là  $0,20\mu\text{Sv/h}$ ; giá trị trung bình dao động trong khoảng  $0,19\div 0,21\mu\text{Sv/h}$ . Giá trị suất liều bức xạ gamma đạt giá trị cao ở các cơ sở y tế với mức trung bình tại các cơ sở trên toàn tỉnh là  $0,22\mu\text{Sv/h}$ . Chênh lệch suất liều bức xạ gamma ở các địa phương không lớn với giá trị cao nhất là  $0,21\mu\text{Sv/h}$  ở thành phố Điện Biên Phủ và  $0,19\mu\text{Sv/h}$  tại các huyện gồm Mường Chà, Mường Nhé, Nậm Pồ, Tuần Giáo, Tủa Chùa.

Hàm lượng radon trung bình toàn tỉnh nằm trong khoảng  $12 \div 29 \text{ Bq/m}^3$ . Giá trị tuyệt đối hàm lượng Radon trong không

khí cao nhất đo được tại Bệnh viện phổi tỉnh Điện Biên là  $29 \pm 3 \text{ Bq/m}^3$ . Chênh lệch hàm lượng radon trung bình tại các địa phương từ  $15,1 \text{ Bq/m}^3$  đến  $20,4 \text{ Bq/m}^3$ . Trong đó cao nhất ở thành phố Điện Biên Phủ, huyện Mường Ảng và thấp nhất đo ở thị xã Mường Lay. Hàm lượng radon đo được tại các cơ sở y tế đạt giá trị cao nhất với mức trung bình là  $20,1 \text{ Bq/m}^3$ .

Như vậy, các điểm trọng yếu tại tỉnh Điện Biên có khả năng phát sinh nguồn phóng xạ chủ yếu tại một số mỏ khoáng sản, các đứt gãy, bệnh viện, trung tâm y tế, sân bay. Kết quả đo đạc tại một số điểm này hiện đang trong giới hạn cho phép. Bức xạ tại các điểm trọng yếu trên địa bàn tỉnh Điện Biên hiện trong giới hạn an toàn.

Từ cơ sở số liệu phóng xạ đã khảo sát, so sánh thấy phóng xạ tại tỉnh Điện Biên là thấp hơn mức trung bình thế giới. Tuy vậy, để bảo vệ an toàn sức khỏe của người dân trong tương lai, khi các hoạt

động kinh tế-xã hội phát triển ngày càng mạnh mẽ, cần thực hiện kiểm soát và quy hoạch các khu dân cư khỏi tác động của các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ; đồng thời nâng cao công tác quản lý an toàn bức xạ tại các cơ sở y tế cũng như cơ quan quản lý nhà nước.

Nhiệm vụ cũng đã xây dựng, cập nhật bản đồ phóng xạ với tỷ lệ 1/100.000. Từ bản đồ mạng lưới quan trắc các điểm đo phóng xạ tỉnh Điện Biên tỷ lệ 1:100.000 với các trường dữ liệu về phóng xạ đã được cập nhật, khoanh vùng các khu vực có giá trị suất liều phóng xạ tương đương nhau bằng phương pháp đường đẳng trị và màu phân bố để thể hiện nồng độ suất liều phóng xạ tại các khu vực khác nhau trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Để đảm bảo an toàn bức xạ cho người dân và phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

- Đối với các cơ sở y tế: thiết kế che chắn phòng chụp XQ đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định; thực hiện kiểm định và hiệu chuẩn máy X quang định kỳ; thay thế các máy X quang thể hệ cũ không đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và đảm bảo an toàn trong chiếu chụp; thực hiện bảo dưỡng, duy tu máy: định kỳ bảo dưỡng máy 3 tháng 1 lần; định kỳ sửa chữa duy tu mỗi năm 1 lần; nhân viên y tế phải thực hiện đầy đủ các nội quy và nguyên tắc bảo vệ an toàn lao động tại cơ sở làm việc, đeo liều kế cá nhân.

- Đối với các cơ sở khai thác, vận chuyển, chế biến khoáng sản: trong các khu vực đánh giá có nhiều loại khoáng sản khác nhau, khi tìm kiếm, thăm dò và đặc biệt khai thác, cần phải có đánh giá tác động cụ thể về môi trường phóng xạ trong khu vực mỏ và ảnh



Khảo sát Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên (tọa độ 21,3925- 103,032).

hưởng của nó khi khai thác đưa vào sử dụng để tránh hiện tượng phát tán phóng xạ vào môi trường.

- Đối với các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu hàng hóa và hoạt động khác: kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển tàng trữ, xuất nhập trái phép nguồn phóng xạ. Trang bị cho lực lượng hải quan, quản lý thị trường một số thiết bị cảnh báo phóng xạ để kịp thời phát hiện phóng xạ giấu trong hàng hoá hoặc phương tiện giao thông ngăn chặn kẻ xấu mua bán tàng trữ chất phóng xạ.

- Đối với cơ quan quản lý nhà nước: chính quyền địa phương cần thường xuyên kiểm tra giám sát tình trạng của thiết bị phóng xạ và các điều kiện an toàn khi vận hành. Bên cạnh đó, tăng cường hoạt động nghiên cứu, đánh giá chi tiết và toàn diện phóng xạ trên địa bàn tỉnh; thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch cho phù hợp với hiện trạng phóng xạ địa phương. Thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ tại địa phương và bố trí nhân lực, phương tiện, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống sự cố xảy ra. /.

**Hoài Linh**

Sở Khoa học và Công nghệ

# CHƯƠNG TRÌNH OCOP VÀ VAI TRÒ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUA 02 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG

**Đ**iện Biên là tỉnh miền núi cao, biên giới; có diện tích tự nhiên rộng 9.541,25km<sup>2</sup>, với thời tiết khí hậu, thổ nhưỡng phong phú, đa dạng là điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều loại nông, lâm sản hàng hóa có giá trị kinh tế như lúa gạo đặc sản ở cánh đồng Mường Thanh; ngô, đậu tương ở Tuần Giáo, chè tuyết شان ở Tủa Chùa, Pú Nhi - Điện Biên Đông, Mường Phăng - Điện Biên, cà phê ở Điện Biên, Mường Ảng, chăn nuôi đại gia súc khu vực có diện tích đất rộng như Mường Nhé, Si Pa Phìn, huyện Mường Chà... Bên cạnh đó, với nhiều di tích lịch sử kết hợp với những giá trị văn hóa giàu bản sắc dân tộc là điều kiện để tạo ra các sản phẩm du lịch tiềm năng hướng đến việc đưa các sản phẩm du lịch vào Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) để phát huy lợi thế, tiềm năng du lịch của các địa phương.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) của tỉnh mở ra hướng phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị. Đây cũng là giải pháp, nhiệm vụ trong triển



*Đồng chí Lò Văn Tiến - Phó chủ tịch UBND tỉnh chủ trì hội nghị đánh giá và xếp hạng các sản phẩm tham gia chương trình OCOP năm 2020 tỉnh Điện Biên.*

**Ảnh: Hoàng Châu**

khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Giai đoạn 2018-2020, thực hiện chương trình OCOP, tỉnh Điện Biên đã chủ động xây dựng kế hoạch, xác định sản phẩm chủ lực, gồm: thực phẩm, sản phẩm chế biến từ dược liệu, nhóm chế biến sản phẩm và sản phẩm từ cây ăn quả... Thống kê, đến tháng 01/2021, tỉnh Điện Biên đã công nhận 35 sản phẩm OCOP đạt 3 sao trở lên, các sản phẩm được xếp hạng đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận, sử dụng nhãn hiệu OCOP và chủ sở hữu sản phẩm được hưởng chính sách hỗ trợ sản phẩm OCOP theo quy định. Nhiều sản phẩm OCOP tiềm năng cần tiếp tục tạo điều

kiện để chủ thể nâng cấp sản phẩm để hoàn thiện như công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đăng ký mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, bảo hộ nhãn hiệu, ...

Nhìn chung tỉnh Điện Biên có nhiều sản phẩm thế mạnh, đặc trưng, có thể phát triển nâng cấp thành sản phẩm OCOP nhưng việc sản xuất còn thủ công, chưa có tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, ghi nhãn hàng hóa, đăng ký sử dụng mã số mã vạch, truy xuất

nguồn gốc, xây dựng và bảo hộ nhãn hiệu còn nhiều trở ngại và khó khăn. Các sản phẩm tham gia chương trình còn nhiều sản phẩm mới ở dạng sơ chế hoặc chế biến đơn giản nên giá trị của sản phẩm chưa cao, ý tưởng phát triển sản phẩm chưa phong phú, quy mô vùng nguyên liệu, quy mô sản xuất còn nhỏ. Các chủ thể mới đang tập trung vào việc đẩy mạnh phát triển sản xuất mà chưa chú trọng khâu quảng bá hình ảnh, marketing.

Điều kiện hồ sơ của các sản phẩm tham gia OCOP cần đáp ứng đủ 05 yêu cầu bắt buộc theo Quyết định số 1048/QĐ-TTg và có các tài liệu minh chứng để chấm điểm và các điều kiện tối thiểu để xếp hạng từ 3 sao trở lên tại Quyết định 781/QĐ-TTg. Qua 02 năm với vai trò là thành viên hội đồng tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP của tỉnh, nhìn nhận, đánh giá việc áp dụng các quy định về ghi nhãn hàng hóa, bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, mã số, mã vạch, truy xuất nguồn gốc của các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất đối với sản phẩm OCOP, tiềm năng



*Đoàn công tác của Sở Khoa học và Công nghệ làm việc tại UBND thị xã Mường Lay về triển khai thực hiện chương trình OCOP.*

**Ảnh: Quang Đạt**

OCOP vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế như: ghi nhãn hàng hóa chưa đúng và đầy đủ theo quy định tại Nghị định 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa (tên sản phẩm ghi chưa đúng quy định, nhầm lẫn giữa khái niệm về trọng lượng và định lượng hàng hóa, thiếu các tiêu chí ghi nhãn,...); đăng ký sử dụng mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc: các sản phẩm tiềm năng OCOP chưa quan tâm đến lợi ích của việc đăng ký sử dụng mã số mã vạch và truy xuất nguồn gốc, một số sản phẩm OCOP chưa thực hiện nghiêm việc đóng phí duy trì hàng năm và cập nhật các thông tin về sản phẩm trên hệ thống phần mềm MSMV dẫn đến nhiều sản phẩm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký sử dụng mã số mã vạch nhưng khi tra cứu trên hệ thống bị treo do chưa đóng phí duy trì; đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa: các chủ thể sản xuất các sản phẩm OCOP và tiềm năng OCOP đã quan tâm đến việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu cho sản phẩm hàng hóa. Tuy nhiên, các chủ thể còn gặp khó khăn trong việc thiết kế, mô tả tên, logo nhãn hiệu muốn bảo hộ, thực hiện thủ tục

đăng đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, các công cụ tiên tiến như tiêu chuẩn ISO/VietGap/Haccp: các chủ thể sản xuất chưa quan tâm đến việc áp dụng, chứng nhận quản lý chất lượng. Do đó, cần sự tham gia tích cực trong việc triển khai đồng bộ các nội dung của Chương trình OCOP của các doanh nghiệp, hợp tác xã và có sự đồng hành mạnh mẽ của các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn.

Thực hiện triển khai nội dung hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất có sản phẩm OCOP, tiềm năng OCOP trên địa bàn tỉnh đối với các nội dung thuộc lĩnh vực Khoa học công nghệ. Trong 2 năm 2019, 2020 Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp tổ chức 04 hội nghị tập huấn về sở hữu trí tuệ. Trong đó, năm 2019 tổ chức 02 hội nghị về Thực thi quyền sở hữu trí tuệ và Đăng ký bảo hộ và khai thác nhãn hiệu; năm 2020 tổ chức 02 hội nghị “Xây dựng và Phát triển thương hiệu cho sản phẩm địa phương” và “Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý (CDĐL) cho sản phẩm gạo Điện Biên của tỉnh Điện Biên”. Tham dự Hội nghị có các đại biểu là đại diện lãnh đạo và chuyên viên phụ trách khoa học và công nghệ của phòng Kinh tế, Kinh tế và Hạ tầng, phòng NN&PTNT các huyện, thị xã, thành phố; đại diện các Sở, ngành có liên quan; Đại diện các tổ chức, cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh gạo Điện Biên, các sản phẩm đặc sản của tỉnh Điện Biên, các sản phẩm OCOP, tiềm năng OCOP. Thông qua hội nghị tập huấn, các đại biểu được bổ sung kiến thức về hệ thống pháp luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; các hình thức bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với các đặc sản địa phương: chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; trình tự, thủ tục, hồ sơ để nộp đơn đăng kí nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý;

bảo vệ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ đối với các đặc sản truyền thống; Hướng dẫn điều kiện, thủ tục, quy trình đánh giá, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Điện Biên”; hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm OCOP.

Ngoài ra, Sở Khoa học và Công nghệ trực tiếp tổ chức đoàn công tác gồm lãnh đạo sở, lãnh đạo, chuyên viên của các đơn vị có liên quan đến nội dung OCOP phối hợp làm việc với huyện Tủa Chùa, thị xã Mường Lay. Sở Khoa học và Công nghệ và các chủ thể OCOP và tiềm năng OCOP, cùng trao đổi, hướng dẫn và giải đáp một số câu hỏi, băn khoăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các nội dung thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ như: ghi nhãn hàng hóa, định lượng hàng hóa đóng gói sẵn, đăng ký sử dụng mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc, các quy định về sở hữu trí tuệ, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu.

Thời gian tới, Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiếp tục phối hợp cùng các sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ chủ thể sản xuất các sản phẩm OCOP, tiềm năng OCOP về các nội dung như: đăng ký, thực hiện, quản lý bảo hộ nhãn hiệu, mã số mã vạch, truy xuất nguồn gốc; hoàn thiện và nâng cao tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, tham gia giải thưởng chất lượng quốc gia nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP. Cùng với đó, các địa phương, chủ thể OCOP cần quan tâm tới hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm OCOP, đẩy mạnh kết nối mạng lưới sản phẩm OCOP cấp vùng, quốc gia và quốc tế. Từng bước đưa các mặt hàng chủ lực của tỉnh vươn ra thị trường trong nước và quốc tế.

**Hoàng Châu**

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

# SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHÁT ĐỘNG THI ĐUA NĂM 2021

Năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm theo Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV. Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và thi đua lập thành tích chào mừng các sự kiện trên, Sở Khoa học và Công nghệ phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2021 với chủ đề “Đoàn kết, kỷ cương, đổi mới sáng tạo, trách nhiệm, hiệu quả” gồm những nội dung trọng tâm:

Thứ nhất, tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức triển khai, thực hiện về đường lối, chủ trương của Đảng, tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 7/4/2014 của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng”.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu



Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ ký giao ước thi đua năm 2021.

Ảnh: Gia Bảo

hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ; Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Thứ ba, tổ chức phát động các phong trào thi đua thiết thực phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan; tổ chức thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, của ngành; tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức các phong trào thi đua, đảm bảo thiết thực, hiệu quả; thi đua ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch được giao; thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19.

Thứ tư, tiếp tục tham gia hưởng ứng tích cực, có hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt 04 phong trào thi đua lớn do Thủ tướng Chính phủ phát động đó là: phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; “Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển”; “Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau”; “Cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Điện Biên thi đua thực hiện văn hóa công sở.

Thứ năm, thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật trong bình xét, lựa chọn, đề nghị khen thưởng, đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch. Công tác khen thưởng phải gắn với kết quả phong trào thi đua và thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của từng phòng, đơn vị.

Thứ sáu, các phòng, đơn vị thuộc và trực thuộc sở không ngừng nâng cao năng lực quản lý nhà nước; nâng cao đạo đức công vụ, thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí; đẩy mạnh các phong trào thi đua thực hiện cải cách hành chính; ứng dụng

công nghệ thông tin; thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; thi đua xây dựng đội ngũ công chức, viên chức có tâm, có tầm, có phẩm chất tốt và trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; nâng cao ý thức, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp và hiệu quả; tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch, thuận tiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với cải cách hành chính ở cơ quan, đơn vị, đặc biệt là công tác cải cách thủ tục hành chính; đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” thông qua những việc làm cụ thể hàng ngày, trên mọi lĩnh vực công tác.

**Thảo Nguyễn**

Sở Khoa học và Công nghệ

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

# ĐỰ ÁN “PHÁT TRIỂN CHUỖI GIÁ TRỊ CHO LÚA ĐẶC SẢN NẾP TAN TỈNH ĐIỆN BIÊN”

### I/ Thông tin chung

Tên dự án: Phát triển chuỗi giá trị cho lúa đặc sản nếp Tan tỉnh Điện Biên.

Chủ nhiệm dự án: ThS. Nguyễn Văn Giang.

Tổ chức chủ trì thực hiện: Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc.

Thời gian thực hiện: 36 tháng

Địa điểm triển khai: xã Na Son và xã Luân Giói, huyện Điện Biên Đông.

### II. Mục tiêu, kết quả thực hiện

#### 1. Mục tiêu nghiên cứu

\* Mục tiêu chung

Nâng cao giá trị lúa/gạo đặc sản nếp Tan của Điện Biên.

\* Mục tiêu cụ thể

Đánh giá được chuỗi giá trị của nếp Tan hiện tại.

Nâng cao giá trị sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm trong chuỗi nếp Tan.



Nâng cao nhận thức và trình độ sản xuất hàng hóa theo chuỗi cho người dân nhằm nâng cao thu nhập cho các tác nhân tham gia vào chuỗi nếp Tan.

## 2. Kết quả thực hiện

### 2.1. Đánh giá các khâu trong chuỗi giá trị Nếp Tan

Hiện nay trên địa bàn huyện Điện Biên Đông diện tích canh tác nếp Tan tập trung vào khoảng trên 41 ha, tập trung chủ yếu tại xã Luân Giới, một ít diện tích tại Na Son, Mường Luân... Giống nếp Tan là giống lúa của dân tộc Thái tại Điện Biên Đông, đây là giống lúa dài ngày, cao cây, chỉ cấy một vụ/năm (phản ứng yếu với ánh sáng ngày ngắn), thích hợp với chân đất vùn cao, thịt nhẹ, chủ động tưới tiêu. Thời vụ bắt đầu từ 10 - 20/4 âm lịch, khi mạ 40 ngày tuổi mới bắt đầu cấy, cuối tháng 8 âm lịch lúa trổ; cuối tháng 9, đầu tháng 10 âm lịch bắt đầu cho thu hoạch. Sản lượng trung bình hàng năm vào khoảng 110 -120 tấn thóc. Trong đó, gần 70 tấn được sử dụng cho nhu cầu tiêu dùng tại nông hộ và khoảng 40 - 50 tấn được bán ra thị trường. Lượng thóc của các hộ được lái buôn nhỏ lẻ thu mua hoặc các hộ này tự đem bán cho các cửa hàng kinh doanh tại thành phố Điện Biên. Giá mua của người dân 11.000 - 15.000 đồng/kg tùy theo độ sạch và độ ẩm của thóc sau khi phơi. Diện tích nếp Tan trong toàn huyện mỗi năm tăng thêm khoảng 20-22 ha khi dự án thực hiện mô hình, năm 2018 có khoảng 60 ha và năm 2019 có khoảng 62 ha.

Qua nghiên cứu, khảo sát và đánh giá cho thấy: Điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu tỉnh Điện Biên rất thích hợp cho phát triển nếp Tan. Tuy nhiên, giống lúa nếp Tan đang bị thoái hóa, năng suất giảm, đặc biệt là không



*Thạc Sĩ Nguyễn Văn Giang báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án “Phát triển chuỗi giá trị cho lúa đặc sản nếp Tan tỉnh Điện Biên” tại hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh.*

*Ảnh: Thanh Tùng*

có đơn vị sản xuất và cung ứng giống. Diện tích trồng lúa manh mún, không tập trung, cơ sở hạ tầng thiếu nên việc sản xuất hàng hóa, cơ giới hóa không thuận lợi. Chất lượng gạo thơm ngon nhưng không đồng đều, do một số nông dân chưa nắm rõ và tuân thủ quy định canh tác. Giá thị trường không kiểm soát được, kỹ thuật đóng gói và dán nhãn mác chưa thực hiện được, mối quan hệ giữa nông dân doanh nghiệp và thương lái chưa được xây dựng trên nền tảng pháp lý nên chưa đảm bảo nguồn cung ứng và chất lượng như mong đợi.

### 2.2 Tổ chức sản xuất lúa hàng hóa và liên kết tiêu thụ sản phẩm

Xây dựng mô hình làm thuần giống lúa nếp Tan: dự án đã chọn 01ha ruộng tại cánh đồng Phiêng Muông, xã Luân Giới và 01ha tại cánh đồng Sư Lư, xã Na Son trên cơ sở ruộng đạt các tiêu chí: có độ phì tốt, đủ ánh sáng, chủ động tưới tiêu, nông hộ có kiến thức và kinh nghiệm về sản xuất lúa... Trong quá trình gieo cấy các ruộng sản xuất giống được cách ly đúng khoảng cách với các ruộng sản xuất lúa đại trà. Năm 2018, 2019 dự án đã xây

dựng được 4ha ruộng sản xuất giống lúa nếp Tan, với 19 lượt hộ tham gia, ruộng sản xuất đều cây 1 dảnh, cây theo băng rộng 1,5 m, khoảng cách giữa các băng là 60 cm, các ruộng được chăm sóc và khử lẩn theo quy trình phục tráng quần thể và và bám sát các yêu cầu kỹ thuật trong sản xuất giống lúa thuần theo QCVN 01-54:2011 BNNPTNT.



Kết quả sản lượng giống thu được tại Na Son > 6,5 tấn và trên 6,8 tấn tại Luân Giới, tổng lượng giống/2 năm là >13 tấn, đây là nguồn giống tốt (tương đương với giống xác nhận) dùng cho sản xuất đại trà.

Xây dựng mô hình sản xuất lúa Nếp Tan thương phẩm: mô hình sản xuất được bố trí ở vụ mùa 2018 và vụ mùa 2019 với quy mô 40ha và có 287 lượt hộ nông dân tham gia, trong đó tại xã Na Son là 10ha/vụ x 2 vụ = 20ha; tại xã Luân Giới 10ha/vụ x 2 vụ = 20ha. Kết quả năng suất lúa nếp Tan khá cao, tại xã Na Son đạt 40,5 - 44,5 tạ/ha, xã Luân Giới đạt 44,3 - 45,5 tạ/ha. So với giống nếp Tan sản xuất đại trà thì năng suất giống nếp Tan đã được làm thuần và áp dụng đúng quy trình kỹ thuật đạt cao hơn 10,9 - 14,2 tạ/ha, tăng hơn 38,7%.

Liên kết tiêu thụ sản phẩm: Dự án đã hợp tác với 2 doanh nghiệp: Công ty TNHH thực phẩm Safe Green, hợp tác xã nông nghiệp CCO Điện Biên Đông. Công ty đã thu mua hơn 70 tấn lúa từ mô hình với giá khoảng 12.000 đồng/kg thóc, xay xát và bán sản phẩm gạo ra thị trường. Tuy nhiên, trong mỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm, dự án gặp rất nhiều thách thức: hầu hết các doanh nghiệp về nông nghiệp trên địa bàn tỉnh còn chưa có tiềm lực về marketing sản phẩm, chưa có các

*Lúa nếp Tan được trồng tại huyện Điện Biên Đông.*

*Ảnh: Nguyễn Hương*

giải pháp đồng bộ để tăng được giá trị cho lúa/gạo, các công ty thu mua sản phẩm sau đó xay xát và bán lẻ lại gạo nếp Tan ở các cửa hàng, đại lý.

### **2.3. Tập huấn kỹ thuật, thông tin tuyên truyền quảng bá sản phẩm**

Trong hai năm 2018 và 2019 cùng với việc thực hiện các mô hình sản xuất, dự án đã tổ chức cho 20 người dân thăm quan mô hình sản xuất nếp Tú Lệ Yên Bái. Qua thăm quan, người dân đã nắm bắt được các kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động sản xuất, bảo quản chế biến, kinh doanh lúa nếp. Tổ chức 01 hội nghị PRA xây dựng thang tiêu chuẩn cho giống lúa nếp Tan. Tập huấn cho 230 lượt nông dân tại xã Na Son và Luân Giới về kỹ thuật thâm canh lúa, kỹ thuật sản xuất lúa giống ở cấp nông hộ. Tổ chức 1 hội nghị đầu bờ tại xã Luân Giới tuyên truyền và nhân rộng kết quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Nếp Tan. Đồng thời xây dựng phóng sự tuyên truyền về dự án trên Đài Truyền thanh - truyền hình huyện Điện Biên Đông.

### **III. Kết luận**

Kết quả dự án đã xác định được điểm mạnh, yếu, cơ hội, thách thức trong chuỗi giá

trị nếp Tan. Vùng Điện Biên Đông có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho canh tác giống lúa nếp Tan đặc sản, có nhiều cơ hội để mở rộng và nâng cao giá trị của sản phẩm tuy nhiên hiện nay chưa có đơn vị sản xuất giống nông dân tự để giống theo phương pháp truyền thống chưa có đơn vị cung cấp và sản xuất giống, bên cạnh đó thị trường tiêu thụ còn hẹp, chủ yếu là được trao đổi buôn bán ngay tại huyện Điện Biên Đông nguyên nhân là sản phẩm nếp Tan cũng chưa được sản xuất nhiều, sản lượng còn ít, chủ yếu mang tính nội tiêu, khâu tiếp thị quảng bá sản phẩm còn kém. Mặc dù sản phẩm nếp Tan đã được bảo hộ “Nhãn hiệu tập thể” nhưng việc quản lý và phát triển còn gặp nhiều khó khăn.

Vì vậy, muốn phát triển được sản phẩm gạo đặc sản này cần phải thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Mở rộng quy mô sản xuất và áp dụng quy trình kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất cho nếp Tan, từ đó mới có đủ lượng sản phẩm cung cấp ra thị trường.

Cần thành lập các nhóm hợp tác, hợp tác xã sản xuất giống ngay tại địa phương nhằm cung ứng nguồn giống tốt cho sản xuất.

Doanh nghiệp và nông dân cần bắt tay nhau thực sự tạo mối quan hệ đôi bên cùng có lợi. Với doanh nghiệp cần có những cam kết rõ ràng trong hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nếp Tan. Với nông dân cần tuân thủ quy trình kỹ thuật sản xuất, tôn trọng cam kết, không phá thỏa thuận khi giá gạo thị trường đẩy lên cao...

Chính quyền địa phương cần phải có những chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong quản lý chuỗi cung ứng gạo an toàn, hỗ trợ marketing cho sản phẩm thông qua hội chợ, hội nghị giới thiệu sản phẩm... Đồng thời, có những chính sách quản lý và khai thác có hiệu quả “Nhãn hiệu tập thể nếp Tan” đã được bảo hộ.

**Nguyễn Hương**

Sở Khoa học và Công nghệ

## CÂY VÚ SỮA HƯỚNG ĐI MỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ CHO NGƯỜI DÂN XÃ THANH HƯNG, HUYỆN ĐIỆN BIÊN

**V**ú sữa là loại quả thơm ngọt, được thị trường ưa thích, tiêu thụ mạnh. Xác định cây vú sữa có giá trị kinh tế cao, xã Thanh Hưng đã lựa chọn vú sữa để xây dựng, phát triển thành sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của xã, tham gia dự thi chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) năm 2020 của huyện, tỉnh.

Cây vú sữa có xuất xứ từ các tỉnh Nam bộ, được đưa về xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên khoảng 20 năm trước. Ban đầu người ta trồng loại cây này để lấy bóng mát hoặc trồng

trong các góc vườn trồng. Hợp khí hậu, thổ nhưỡng vùng đất mới, những vườn vú sữa ở Thanh Hưng phát triển rất tốt, năm nào cũng sai hoa trĩu quả. Quả vú sữa thơm ngọt, giàu dinh dưỡng nên được tiêu thụ khá mạnh trên thị trường Điện Biên những năm gần đây.

Thời gian qua tại huyện Điện Biên có nhiều xã trồng cây vú sữa, nhưng vú sữa Thanh Hưng được đánh giá thơm, mềm, ngọt, tỷ lệ sữa nhiều hơn cả, quả to đều, mẫu mã đẹp. Cây cho thu hoạch 1 đợt/năm nhưng thời gian cho quả dài, từ tháng giêng đến tháng 4



Vú sữa tím đang vào vụ thu hoạch.

Ảnh: **Trần Thơm**

âm lịch. Giá trị kinh tế của cây vú sữa cao với giá quả đầu vụ 35.000 - 50.000/kg, cuối vụ 20.000 - 30.000 đồng/kg; cây lâu năm cho thu hoạch 2 - 3 tạ quả. Thương lái vào nhà vườn thu mua hoặc mang ra chợ bán.

Gia đình ông Phạm Văn Phú - Đội 5, xã Thanh Hưng là hộ trồng vú sữa lâu năm nhất, trừ chi phí cây vú sữa cho thu nhập 70 - 80 triệu đồng/năm; còn các hộ mới trồng được khoảng 10 - 15 năm cũng cho thu nhập trung bình 20 - 30 triệu đồng/năm. Hiện tại diện tích trồng cây vú sữa ở các thôn đội theo khảo sát tầm 25ha, theo đánh giá của lãnh đạo địa phương, cán bộ khuyến nông xã và các hộ trồng cây vú sữa, vú sữa là cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn nhiều loại cây trồng trên địa bàn, sản phẩm được đánh giá tốt và dễ tiêu thụ nên từ năm 2018 xã Thanh Hưng đã đề xuất với UBND huyện Điện Biên chọn vú sữa phát triển thành sản phẩm đặc trưng của xã.

Vì vậy từ năm 2018 đến nay, huyện Điện Biên và xã Thanh Hưng đã có kế hoạch và phương án để tăng diện tích và xây dựng thương hiệu sản phẩm vú sữa. Viện nghiên cứu giống cây trồng Trung ương lên lấy mẫu đất tại

xã để kiểm định, xác định thổ nhưỡng nơi đây thích hợp để trồng và phát triển cây vú sữa. Bằng nguồn vốn chương trình nông thôn mới, toàn xã đã trồng mới 9ha vú sữa Lò Rèn do Viện Nghiên cứu rau, quả Trung ương cấp giống. Năm 2019 xã Thanh Hưng tiếp tục mở rộng 1,5ha, tập trung chủ yếu tại các đội: 1, 7, 13.

Tổ Hợp tác sản xuất nông nghiệp Thanh Hòa (xã Thanh Hưng) được thành lập với vai trò liên kết trồng, chăm sóc, tiêu thụ nông sản, cụ thể là quả vú sữa. Năm 2020, xã Thanh Hưng đã lựa chọn, giới thiệu sản phẩm quả vú sữa Thanh Hòa của Tổ hợp tác dự thi Thanh Hòa tham gia chương trình OCOP.

Ông Lương Văn Tọ - Chủ tịch UBND xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên cho biết: xã đã đưa cây vú sữa vào chương trình "Mỗi xã một sản phẩm", bởi vì vú sữa trồng ở Thanh Hưng rất thơm ngon, là loại trái cây sạch, được người tiêu dùng ưa chuộng. Chúng tôi đang đề nghị Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam nghiên cứu giúp chúng tôi phát triển mô hình trồng vú sữa sạch, chất lượng cao. Khi bà con phát triển tốt mô hình, chúng tôi sẽ đẩy mạnh xây dựng thương hiệu cho trái vú sữa Thanh Hưng, tạo điều kiện cho bà con phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập. Từ đó xây dựng liên kết tiêu thụ sản phẩm đặc trưng của vùng "4 nhà" giúp người dân tăng thu nhập, phát triển kinh tế trên chính mảnh đất quê hương mình.

**Khắc Tân**

Trung tâm Khuyến nông -  
Giống cây trồng vật nuôi

# PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC NGÀNH NÔNG NGHIỆP

**C**ông nghệ sinh học là một lĩnh vực công nghệ cao dựa trên nền tảng khoa học về sự sống, kết hợp với quy trình và thiết bị kỹ thuật nhằm tạo ra các công nghệ khai thác các hoạt động sống của vi sinh vật, tế bào thực vật và động vật để sản xuất ở quy mô công nghiệp các sản phẩm sinh học có chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường, Công nghệ sinh học là một trong 4 lĩnh vực khoa học công nghệ được Đảng và Nhà nước ưu tiên đầu tư phát triển.

Ngày 24/3/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 429/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030. Với mục tiêu tổng quát: phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp có giá trị gia tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường phục vụ phát triển kinh tế nông nghiệp; nâng cao tiềm lực nghiên cứu phát triển, ứng dụng và làm chủ công nghệ sinh học nông nghiệp hiện đại của khu vực và thế giới đưa Việt Nam trở thành quốc gia có trình độ công nghệ sinh học nông nghiệp ngang bằng các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Mục tiêu đến năm 2025: triển khai nghiên cứu, phát triển các công nghệ sinh học thế hệ mới; tiếp cận và làm chủ công nghệ tạo các chế phẩm sinh trong trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tiến tới thay thế dần các sản phẩm nguồn gốc hóa học. Làm chủ công nghệ tế bào thực vật trong nhân giống cây trồng sạch bệnh quy mô công nghiệp, giảm giá thành sản xuất cây giống tối thiểu 30% so với công nghệ truyền thống.

Tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới vào sản xuất ở quy mô công nghiệp; tạo và phát triển được giống cây trồng, vật nuôi mang tính trạng cải tiến như: chống chịu các sâu bệnh hại chính, các điều kiện bất thuận, sinh trưởng nhanh... bằng công nghệ chỉ thị phân tử, chỉnh sửa gen. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển công nghiệp sinh học trong nông nghiệp, ưu tiên nhóm sản phẩm giống cây trồng, vật nuôi, quy trình công nghệ nhân nuôi cấy mô tế bào, chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, chế phẩm chẩn đoán, vắc xin phòng trị bệnh. Phát triển, tăng tối thiểu 20% số lượng doanh nghiệp công nghiệp sinh học nông nghiệp. Nâng cao năng lực cơ sở vật chất, trang thiết bị để tiếp nhận, ứng dụng chuyển giao công nghệ quy mô công nghiệp, tiến tới hình thành ngành công nghiệp sinh học trong nông nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực chuyên ngành công nghệ sinh học nông nghiệp.

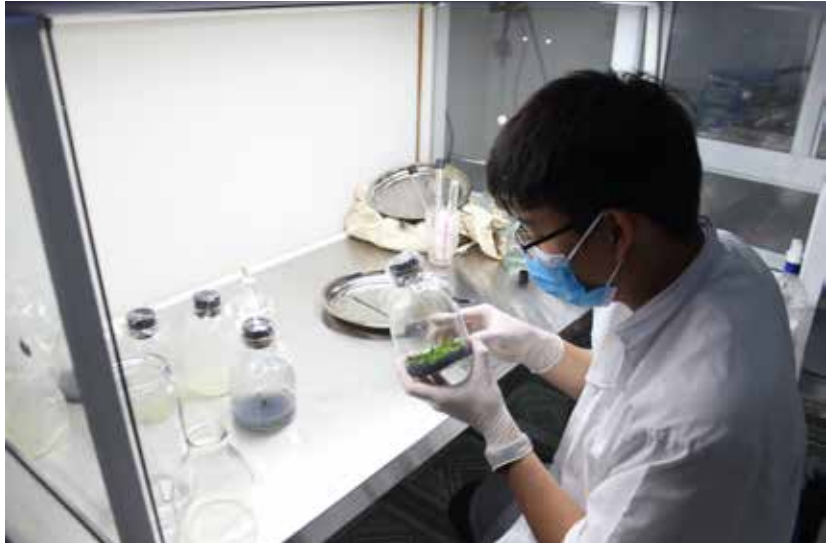
Mục tiêu đến năm 2030: làm chủ được một số công nghệ sinh học thế hệ mới, tạo ra sản phẩm quy mô công nghiệp ứng dụng thực tiễn sản xuất. Hình thành và phát triển số lượng doanh nghiệp công nghiệp sinh học trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng thêm tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục hỗ trợ nâng cao năng lực cơ sở vật chất kỹ thuật cho các doanh nghiệp công nghiệp sinh học, tổ chức khoa học, công nghệ và tổ chức chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực đủ trình độ làm chủ công nghệ, tiếp nhận, ứng dụng và chuyển giao công nghệ

mới, công nghệ tiên tiến ở quy mô công nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế.

Để hoàn thành được mục tiêu đề ra cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cụ thể như:

Hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu công nghệ sinh học hiện đại trong sản xuất sản phẩm nông nghiệp; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, làm chủ công nghệ sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học quy mô công nghiệp trong nông nghiệp. Gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khuyến khích và hỗ trợ mạnh mẽ các hoạt động phổ biến, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, đổi mới công nghệ, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh các sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp quy mô công nghiệp. Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng cơ sở nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học.

Hoàn thiện cơ chế chính sách, hệ thống văn bản pháp luật để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào nghiên cứu và sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học nông nghiệp quy mô công nghiệp. Xây dựng cơ chế chính sách mới ưu đãi cho phát triển nhanh các doanh nghiệp công nghệ sinh học vừa và nhỏ, đặc biệt là khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp sinh học, tạo điều



*Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tỉnh Điện Biên thực hiện nuôi cấy mô Hoa lan Hồ điệp.*

**Ảnh: Minh Quang**

kiện để các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đầu tư trong lĩnh vực này.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học của các tổ chức khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ và doanh nghiệp công nghiệp sinh học. Ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nguồn nhân lực có đủ trình độ tiếp nhận, chuyển giao các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào thực tiễn sản xuất tại Việt Nam.

Hình thành nhóm nhiệm vụ hợp tác song phương, đa phương với một số nước có nền công nghiệp sinh học tiên tiến để nhanh chóng tiếp cận, làm quen tiến tới làm chủ công nghệ nền của công nghệ sinh học nông nghiệp hiện đại. Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ cơ hội để đào tạo đội ngũ cán bộ đầu đàn, chuyên gia giỏi và nâng cao trình độ nghiên cứu, phát triển công nghệ trong lĩnh vực công nghệ sinh học của đất nước, chú trọng hợp tác với các nước có nền công nghiệp sinh học phát triển.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán

triệt các chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước về phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của công nghiệp sinh học nói chung và công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp nói riêng đối với sự nghiệp công

nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật có đóng góp quan trọng trong tăng trưởng kinh tế quốc dân.

**Minh Quang**

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KHCN

## ĐẨY MẠNH GỬI, NHẬN VĂN BẢN ĐIỆN TỬ TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG GÓP PHẦN XÂY DỰNG THÀNH CÔNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH ĐIỆN BIÊN

**N**gày 12/7/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống nhà nước. Nhằm đạt được mục tiêu trong Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016 - 2020 đạt 100% các cơ quan Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở triển khai và sử dụng Hệ thống phần mềm quản lý văn bản hồ sơ công việc đồng bộ, liên thông; trên 70% các văn bản, tài liệu (trừ văn bản loại mật, hồ sơ) của các cơ quan nhà nước các cấp được trao đổi trên môi trường mạng và có ứng dụng chữ ký số.

Sau hơn 2 năm thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Điện Biên đã tích cực chỉ đạo triển khai thực hiện như ban hành Kế hoạch số 1049/KH-UBND ngày 18/4/2019 về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ giải pháp trọng tâm phát triển Chính

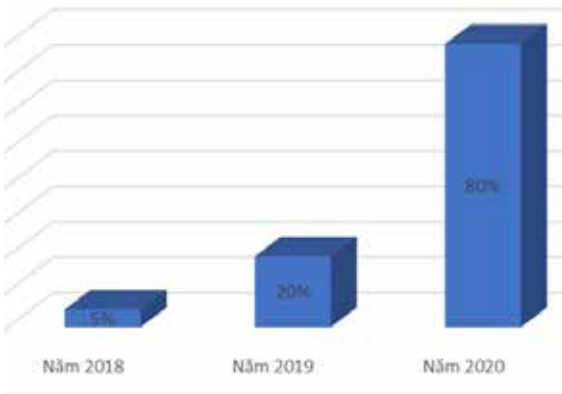


*Hội nghị tập huấn Kết quả triển khai ứng dụng Chữ ký số trên phần mềm Quản lý văn bản và điều hành.*

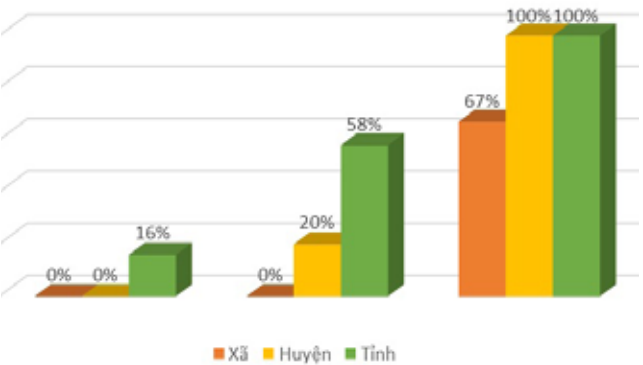
**Ảnh: Trọng Chiến**

phủ điện tử (CPĐT) giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Kế hoạch số 3382/KH-UBND ngày 19/11/2018 về triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong các CQNN tỉnh Điện Biên giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 về Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Điện Biên...

Tỷ lệ VBĐT ký số trao đổi trên môi trường mạng



Tỷ lệ cơ quan, nhà nước thực hiện ký số VBĐT (Năm 2018, 2019, 2020)



Biểu đồ thể hiện tỷ lệ VBĐT trao đổi trên môi trường mạng và tỷ lệ cơ quan, nhà nước thực hiện ký số VBĐT từ năm 2018 - 2020 của tỉnh Điện Biên.

Đến nay, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh được nâng cấp và kết nối liên thông vào Trục liên thông văn bản Quốc gia. Tổng số chứng thư số chuyên dùng Ban cơ yếu Chính phủ đã cấp phát cho tỉnh Điện Biên là trên 2.300 chứng thư số cho tổ chức và chữ ký số cá nhân; 100% cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, trên 80% xã triển khai ứng dụng chữ ký số vào phần mềm quản lý văn bản và điều hành. Nâng tỷ lệ văn bản điện tử được ký số trong 02 tháng đầu năm 2021 đạt gần 90% tổng văn bản gửi nhận giữa các cơ quan nhà nước, trong đó cơ quan cấp tỉnh đạt trên 96%, cấp huyện trên 92%, cấp xã trên 77% (Năm 2019 tỷ lệ văn bản điện tử gửi nhận trên môi trường mạng đạt dưới 20%, năm 2020 đạt khoảng 80%). Tổng số văn bản điện tử gửi nhận trên hệ thống từ ngày 01/01 đến 23/02/2021 là trên 92.000 văn bản (trong đó: Văn bản đến 72.000, văn bản đi 20.000 và văn bản đi được ký số 17.800 đạt 89%).

Việc ứng dụng CNTT, gửi nhận văn bản điện tử trên môi trường mạng đã góp phần nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước, phục vụ đắc lực các mục tiêu, chương trình cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh.

Để tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa việc gửi, nhận văn bản điện tử trong các cơ quan nhà nước theo yêu cầu của UBND tỉnh đảm bảo đến hết 30/6/2021, 100% các các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh, trên 90% văn bản điện tử ký số trao đổi trên môi trường mạng. Các cơ quan, đơn vị cần triển khai sâu rộng việc ứng dụng CNTT trong cơ quan Nhà nước gắn với Kế hoạch, chương trình CCHC, hoàn thành xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh hướng đến xây dựng Chính quyền số; triển khai có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành qua mạng; tăng cường sử dụng thư điện tử; tổ chức đào tạo kiến thức, kỹ năng sử dụng máy tính, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử; triển khai ký số trên hệ thống một cửa tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4. Qua đó, việc triển khai ứng dụng chữ ký số tại tất cả các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh sẽ góp phần hoàn thành xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh trong năm 2021.

**Trọng Chiến**

Sở Thông tin và Truyền thông



# KHẨU TRANG THỜI ĐẠI DỊCH

**Đ**ại dịch covid 19 đang diễn biến hết sức phức tạp, có ảnh hưởng sâu rộng tới sức khỏe, cuộc sống, từ khi dịch bùng phát ảnh hưởng nghiêm trọng tới các hoạt động kinh tế, thương mại, văn hóa, giải trí, thể thao. Trong điều kiện khó khăn chưa có đầy đủ cơ sở khoa học về dịch bệnh, chưa có thuốc điều trị đặc hiệu, trong khi đó tốc độ lây nhiễm liên tục gia tăng. Tại Việt Nam trường hợp nhiễm bệnh đầu tiên diễn ra ngày 23/01/2020; một số biện pháp đã được triển khai như cách ly, theo dõi và hạn chế người từ vùng dịch, đóng cửa biên giới, triển khai việc khai báo y tế đã diễn ra. Ngày 31/3/2020 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid19 với nội dung: “Thực hiện cách ly toàn xã hội trên phạm vi toàn quốc theo nguyên tắc gia đình cách ly với gia đình, thôn bản cách ly với thôn bản, xã cách ly với xã, huyện cách ly với huyện, tỉnh cách ly với tỉnh, phân xưởng, nhà máy sản xuất phải bảo đảm khoảng cách an toàn, đeo khẩu trang, thực hiện khử trùng, diệt khuẩn theo quy định”. Bộ Y tế khuyến cáo “5K Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế” chung sống an toàn với dịch bệnh.

Trong các biện pháp phòng, chống dịch thì biện pháp đeo khẩu trang là vô cùng cấp thiết, mang tính chủ đạo và là cách phòng dịch hữu hiệu nhất, đeo khẩu trang vải thường xuyên tại nơi công cộng, nơi tập trung đông người; đeo khẩu trang y tế tại các cơ sở y tế, khu cách ly. Với mục đích phòng, chống sự lây lan của dịch Covid 19 tại cộng đồng nhằm thực hiện chung sống an toàn với dịch bệnh



Khẩu trang y tế.

Ảnh: **Sưu tầm**

trong trạng thái bình thường mới; Bộ Y tế ban hành Quyết định số 1053/QĐ-BYT ngày 06/02/2021, Về việc ban hành hướng dẫn đeo khẩu trang phòng, chống dịch Covid19 tại nơi công cộng; dựa trên cơ chế lây truyền trực tiếp từ người sang người theo đường hô hấp chủ yếu qua giọt bắn và nguy cơ làm lây lan dịch COVID19: nơi có nguy cơ tiếp xúc với nguồn bệnh; nơi có không gian kín; nơi tập trung đông người; nơi có sự giao tiếp gần dưới 2m. Tuy nhiên cũng có một số bất cập trong việc sử dụng khẩu trang trong phòng chống dịch; trước khi bùng phát dịch chưa hình thành thói quen sử dụng khẩu trang trong các hoạt động giao tiếp đông người, hội họp, tham gia giao thông,... việc đeo khẩu trang chủ yếu được các chị em sử dụng khẩu trang khi ra đường để tránh bụi, bẩn và làm đẹp làn da cho phái đẹp. Sau khi đại dịch bùng phát cùng với khuyến cáo dùng khẩu trang của cơ quan chức năng thì việc sử dụng khẩu trang của người dân mới phổ biến; việc đeo khẩu trang đúng cách, đúng tiêu chuẩn có tác dụng ngăn ngừa và phòng tránh những giọt bắn chứa vi khuẩn, virus từ đường hô

hấp vào không khí và lan sang người khác khi người đeo ho, hắt hơi, trò chuyện xâm nhập qua vào đường thở, dễ gây các bệnh về phổi; vì vậy việc sử dụng khẩu trang đặc biệt quan trọng tại các địa điểm mà mọi người ở gần nhau hoặc khó duy trì các biện pháp giãn cách giao tiếp xã hội. Trong thực tế rất dễ bắt gặp khi tham gia giao thông hoặc thậm chí trong giao tiếp hàng ngày, có thể là do ý thức người sử dụng mà ta thấy rất nhiều hình ảnh người dân sử dụng khẩu trang không đúng cách (đeo vào tháo ra nhiều lần, chạm tay vào mặt trước để tháo khẩu trang), hoặc có dùng nhưng dùng để đối phó, có thể bắt gặp nhiều trường hợp người đeo khẩu trang đeo khẩu trang xuống cằm, trong khi đó theo khuyến cáo phải bịt kín các cơ quan như miệng mũi; Có trường hợp vừa xuống xe đã vội vã tháo khẩu trang để giao tiếp, hoặc có người vừa vào siêu thị đã vội vã bỏ khẩu trang để đi xem hàng. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 và Quyết định số 07/2020/QĐ-TTg ngày 26/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ thì bệnh COVID-19 thì được xếp vào bệnh truyền nhiễm nhóm A. Đối chiếu quy định tại Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007 thì những người không đeo khẩu trang nơi công cộng có dấu hiệu vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Khoản 7 Điều 8 của Luật này. Cụ thể, điều khoản này nghiêm cấm hành vi không chấp hành các biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Tùy tính chất và mức độ của hành vi mà người vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định 176/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. Cụ thể, Điều 11 của Nghị định này quy định: Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi không thực hiện

biện pháp bảo vệ cá nhân đối với người tham gia chống dịch và người có nguy cơ mắc bệnh dịch theo hướng dẫn của cơ quan y tế. Cho đến những ngày dịch bệnh bắt đầu gieo rắc sự sợ hãi, khẩu trang trở thành mặt hàng có thể nói là chiếm đỉnh trong chuỗi cung - cầu của xã hội vị thế của mặt hàng này đã thay đổi đến mức không ai nhận ra. Tình trạng giảm hàng, tăng giá khẩu trang cũng là một vấn đề đáng nói; lợi dụng tình hình khan hiếm hàng hóa trên thị trường để mua gom, tích trữ hoặc lợi dụng dịch bệnh để nâng giá, ép giá bất hợp lý đối với hàng hóa là trang thiết bị y tế như khẩu trang, các loại nước rửa tay, nước sát trùng... khi có sự biến động lớn về cung cầu hàng hóa gây xáo trộn tình hình thị trường trên địa bàn. Để ngăn chặn Chính phủ ban hành tại Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. Cụ thể, khoản 3 Điều 14 Nghị định 117 nêu rõ, sẽ phạt tiền từ 20 - 30 triệu đồng với hành vi lợi dụng dịch bệnh để định giá mua, bán giá bất hợp lý với thuốc, trang thiết bị y tế, nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu sản xuất trang thiết bị y tế phục vụ phòng, chống dịch bệnh. Một vấn đề nữa từ ý thức của người sử dụng khẩu trang, hiện nay có thể bắt gặp tình trạng khẩu trang dùng xong vứt bừa bãi trên đường trông rất phản cảm, vừa gây ô nhiễm môi trường, vừa là nguy cơ tiềm tàng của dịch bệnh, đó là do ý thức của người dùng dùng xong không vứt vào thùng rác. Thiết nghĩ để góp phần ngăn chặn đại dịch thì mỗi người chúng ta cần phải chung tay, bắt đầu từ việc sử dụng khẩu trang đúng tiêu chuẩn đúng quy định, giữ gìn vệ sinh công cộng, mỗi người hãy tự nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của mình trong việc phòng, chống dịch để bảo vệ bản thân, gia đình và cộng đồng

**Hoàng Hưng**

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

# MƯỜNG NHÉ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG TOÀN DIỆN, HIỆN ĐẠI VÀ BỀN VỮNG

**M**ường Nhé là huyện có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh phía cực Tây của Tổ quốc, có 2 tuyến biên giới dài hơn 132 km (trong đó với Lào dài 91,3 km, với Trung Quốc là 40,8 km). Mường Nhé có 11 đơn vị hành chính cấp xã, với 110 tổ dân cư, thôn, bản, điểm bản; dân số toàn huyện hơn 45 nghìn nhân khẩu, thành phần dân tộc thiểu số chiếm tới 93,6% dân số toàn huyện (Mông 64,4%; Hà Nhì 11,7%, Thái 10%; còn lại là các dân tộc khác).

Là một trong 62 huyện nghèo nhất cả nước (đến hết năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo của huyện Mường Nhé là 62,43%). Cũng vì kinh tế kém phát triển, chủ yếu sản xuất nông nghiệp trên đất dốc; kết cấu hạ tầng vừa thiếu vừa chưa đồng bộ; trình độ dân trí và đời sống nhân dân các dân tộc trên địa bàn còn nhiều khó khăn...

Trong những năm qua huyện Mường Nhé đã và đang tích cực huy động mọi nguồn vốn đầu tư triển khai tái cơ cấu ngành Nông nghiệp. Vì vậy đã từng bước nâng cao giá trị kinh tế cây trồng, vật nuôi, góp phần cải thiện đời sống nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới.

Xác định kinh tế nông - lâm nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn góp phần xóa đói giảm nghèo bền vững, vì thế trên cơ sở nguồn vốn đầu tư của Đảng và Nhà nước thông qua các chương trình, dự án (Chương trình 30a, 134/CP, 135/CP, Đề án 79...) cấp ủy, chính quyền huyện Mường Nhé tập trung xây dựng hạ tầng thiết yếu nhằm tái cơ cấu nền sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, huyện cũng huy động sự vào cuộc thiết thực của

các cấp, ngành trong việc tuyên truyền, vận động người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật, đưa cây trồng, con giống có giá trị kinh tế cao vào sản xuất; quy hoạch các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung.

Ông Nguyễn Văn Thắng, Phó Trưởng phòng phụ trách Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Mường Nhé cho biết: đối với sản xuất cây lương thực và cây công nghiệp, huyện Mường Nhé áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, bước đầu mang lại những chuyển biến tích cực về cơ cấu giống, các giống cũ bị thoái hóa dần được thay thế bằng các loại giống mới có chất lượng cao. Đặc biệt, huyện triển khai liên kết sản xuất cây cao su giữa người dân và Công ty Cổ phần Cao su Mường Nhé - Điện Biên bằng hình thức góp đất, với tổng diện tích 1.177,9ha, tới nay đã có 303,43ha cho sản phẩm, sản lượng đạt 260 tấn mùn quy khô. Đồng thời, huyện cũng thực hiện chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng có hiệu quả thấp sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao.

Trong lĩnh vực chăn nuôi: giai đoạn 2017 - 2020 thực hiện lồng ghép nguồn hỗ trợ từ các chương trình dự án: hỗ trợ phát triển sản xuất theo Chương trình mục tiêu quốc gia, Quyết định 45/2018/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND tỉnh và các nguồn vốn khác... huyện đã chỉ đạo 11/11 xã quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung; vận động người dân chuyển từ hình thức chăn nuôi thả rông, nhỏ lẻ sang chăn nuôi theo mô hình trang trại, gia trại theo hướng bền vững. Đồng thời, bảo tồn, phát triển giống vật nuôi lợn bản địa (lợn cắp nách), khuyến khích các loại hình sản xuất chăn nuôi khép kín, liên

kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị. Giai đoạn 2017 - 2019, ước thực hiện đến hết năm 2020, huyện Mường Nhé hỗ trợ 1.061 con trâu, bò giống cho các hộ gia đình chăn nuôi theo hình thức nhóm hộ (nâng tổng đàn trâu, bò năm 2020 ước đạt hơn 15.000 con; đặc biệt giá trị sản xuất của ngành chăn nuôi theo giá hiện hành ước đạt hơn 70 tỷ đồng).

Phát huy những kết quả đã đạt được trong tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, huyện Mường Nhé tiếp tục quy hoạch sản xuất nông - lâm nghiệp theo từng vùng tập trung, phát triển mạnh cây đặc sản, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn nhằm thu hút đầu tư và thuận lợi cho tiêu thụ. Đồng thời, huyện đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tích cực nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, chất lượng đã được tổng kết, đánh giá từ thực tiễn. Tăng cường quảng bá, tuyên truyền giới thiệu sản phẩm; thu hút các hợp tác xã, doanh nghiệp đầu tư sản xuất nông nghiệp; thực hiện tốt liên kết "4 nhà". Đặc biệt triển khai hiệu quả Chương trình Mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo bền vững là cơ hội, tiền đề để đồng bào các dân tộc thiểu số có thêm tư

liệu sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội... Ví thể, đã huy động sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp trọng tâm, trọng điểm. Đặc biệt, các chương trình, dự án khi triển khai đã từng bước phát huy hiệu quả, mở ra cơ hội để người nghèo phát triển sản xuất, kinh doanh, tự tạo việc làm và có thu nhập ổn định. Nhiều mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển đổi ngành nghề (mắc ca, cao su, cây dược liệu dưới tán rừng...) đã và đang mang lại hiệu quả thiết thực. Ngoài ra, các chương trình, dự án về giảm nghèo đã được triển khai tích cực, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với các chương trình, dự án khác. Cơ sở hạ tầng tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện rõ rệt, hệ thống điện - đường - trường - trạm, các công trình phúc lợi (thủy lợi, nhà văn hóa...) được đầu tư đồng bộ, góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn mới ở các xã vùng sâu, vùng xa, biên giới.

**Khắc Tân**

Trung tâm Khuyến nông -  
Giống cây trồng vật nuôi tỉnh Điện Biên

## XÃ LENG SÙ SÌN PHÁT TRIỂN TRỒNG SẢ JAVA

**T**rong những năm gần đây nhờ được thụ hưởng từ Chương trình Mục tiêu quốc gia về Giảm nghèo bền vững xã Leng Sù Sìn, huyện Mường Nhé đã tích cực chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, tập trung phát triển kinh tế hàng hóa. Việc chuyển đổi từ trồng ngô, sắn sang trồng mắc ca, cao su, cây dược liệu, gia vị... đã và đang mang lại hiệu quả thiết thực.

Nhận thấy cây sả Java thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng, tập quán canh tác của người dân lại có giá trị kinh tế cao, xã Leng

Sù Sìn đã vận động 70 hộ dân trồng sả với diện tích trên 60ha. Đến nay, trung bình mỗi năm, người dân có thể thu hoạch 6 lứa sả, đạt nguồn thu khoảng 60 triệu đồng. Tiêu biểu là mô hình trồng và chiết xuất tinh dầu sả của hợp tác xã (HTX) nông nghiệp hữu cơ Suối Voi đang cho thấy những giá trị kinh tế, xã hội thiết thực.

Hiện nay, HTX hướng dẫn người dân phát triển diện tích sả Java theo hướng hữu cơ. Theo ông Nguyễn Ngọc Tú - Giám đốc hợp tác xã nông nghiệp hữu cơ Suối Voi:

trước đây, đồng bào dân tộc Hà Nhì tại xã Leng Su Sìn đã trồng cây sả nhưng chủ yếu để phát triển tự nhiên. Thời gian gần đây, HTX tập trung hướng dẫn người dân canh tác theo quy trình hữu cơ, không sử dụng hoá chất diệt cỏ hoặc bất kỳ một loại thuốc BVTV nào trong phòng trừ sâu bệnh. Sau thời gian trồng thử nghiệm 2ha, nhận thấy cây sả ưa nắng nóng, rất phù hợp với đất dốc, đất khô cằn, lại dễ trồng, chăm sóc nên HTX quyết định mở rộng diện tích, đầu tư chế biến tinh dầu. Điều thuận lợi là HTX nhận được sự hỗ trợ của các nhà khoa học tại Trung tâm Tài nguyên Thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam nên toàn bộ quy trình được thực hiện một cách khoa học. Tinh dầu được chiết xuất 100% từ cây sả bằng tháp chưng cất điện inox, đảm bảo được các tiêu chuẩn đối với tinh dầu sả Java theo TCVN 11426:2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Điều thuận lợi là HTX nhận được sự hỗ trợ của các nhà khoa học tại Trung tâm Tài nguyên Thực vật, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam nên toàn bộ quy trình được thực hiện một cách khoa học. Tinh dầu được chiết xuất 100% từ cây sả bằng tháp chưng cất điện inox, đảm bảo được các tiêu chuẩn đối với tinh dầu sả Java theo TCVN 11426:2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ. Mỗi năm HTX thu mua, sử dụng 1.500-1.800 tấn lá sả, chiết xuất được 7.000-8.000 lít tinh dầu. Ngoài ra, các thành viên còn tận dụng bã sả để ủ làm phân bón bán cho công ty hoặc các hộ, cơ sở có nhu cầu với giá 500.000 đồng/tấn. Theo giá thị trường hiện nay, mỗi lít tinh dầu sả có giá dao động khoảng 1-1,2 triệu đồng/lít. Do nhu cầu ngày càng lớn nên thị trường tiêu thụ của



Sản phẩm tinh dầu sả Java của HTX nông nghiệp hữu cơ Suối Voi.

Ảnh: Khắc Tân

HTX không chỉ gói gọn trong xã, huyện mà còn mở rộng ra các tỉnh, thành khác, như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

Theo đại diện UBND xã Leng Su Sìn: để giảm tỷ lệ hộ nghèo thì xã cần tích cực hỗ trợ người dân áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đồng thời thực hiện quy hoạch sản xuất nông - lâm nghiệp theo từng vùng tập trung, phát triển mạnh cây đặc sản, tạo ra khối lượng hàng hóa lớn nhằm thu hút đầu tư và thuận lợi cho tiêu thụ. Bên cạnh đó, xã sẽ thành lập thêm tổ hợp tác, HTX song song với việc hỗ trợ HTX Suối Voi phát triển theo hướng bền vững. Hiện, ngoài trồng sả và sản xuất tinh dầu, HTX Suối Voi còn thực hiện ghép cây dổi ăn hạt, trồng cây ăn quả, chế biến măng khô nhằm nâng cao thu nhập cho người dân và thành viên.

**Hiều Ngân**

Trung tâm Khuyến nông - Giống cây trồng vật nuôi tỉnh Điện Biên

# CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH THƯ VIỆN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

**T**hực hiện Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng chính phủ về “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành văn bản số 473/UBND-KGVX ngày 24 tháng 02 năm 2021V/v triển khai Quyết định số 206/ QĐ-TTG của Thủ tướng chính phủ.

Với mục tiêu ứng dụng mạnh mẽ, toàn diện công nghệ thông tin (CNTT), nhất là công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các thư viện và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại; bảo đảm cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng; thu hút đông đảo người quan tâm, sử dụng dịch vụ thư viện, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập. Mục tiêu chủ yếu của chương trình đến năm 2025 là 100% thư viện công lập có vai trò quan trọng được Nhà nước ưu tiên đầu tư cùng với Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; 100% thư viện có vai trò quan trọng, thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thư viện đại học và thư viện chuyên ngành ở trung ương có trang thông tin điện tử cung cấp dịch vụ trực tuyến, tích hợp với thành phần dữ liệu mở của Hệ tri thức Việt số hoá; 70% tài liệu cổ, quý hiếm và bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hoá, khoa học do các thư viện có vai trò quan trọng thu thập và quản lý được số hoá; 100% người làm công tác thư viện được đào tạo và đào tạo lại, cập nhật các kiến thức, kỹ năng vận hành thư viện hiện đại; 60% số thư viện trong cả nước

trở lên được kiểm tra, quản lý thông qua hệ thống quản lý thông tin của cơ quan quản lý.

Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện định hướng đến năm 2030 là tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển thư viện số, thực hiện liên thông ở mọi loại hình thư viện, bảo đảm cung ứng hiệu quả dịch vụ cho người sử dụng thư viện ở mọi lúc, mọi nơi.

Giải pháp mà chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đưa ra là:

- Nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo và người làm công tác thư viện từ trung ương đến địa phương về vai trò quan trọng của chuyển đổi số ngành thư viện và đồng bộ với chuyển đổi số ngành văn hoá, thể thao và du lịch nhằm xây dựng hệ sinh thái số. Tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số ngành thư viện thông qua phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác, lồng ghép trong các hoạt động, sự kiện liên quan; chú trọng biểu dương, tôn vinh những trường hợp đạt nhiều kết quả tích cực về chuyển đổi số.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành thư viện để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; xây dựng mới hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, quy định pháp luật có liên quan nhằm thúc đẩy chuyển đổi số; xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thư viện và ứng dụng CNTT trong thư viện, số hoá tài nguyên thông tin, chuẩn hoá siêu dữ liệu trong thư viện số, kết nối liên thông thư viện, chia sẻ tài nguyên, sản phẩm thông tin giữa các thư viện trong và ngoài nước; hoàn thiện các quy định về điều

kiện tối thiểu của hạ tầng, thiết bị kỹ thuật và công nghệ hiện đại đối với thư viện có vai trò quan trọng, bảo đảm hỗ trợ, phục vụ tích cực quá trình chuyển đổi số.

- Từng bước nâng cấp, hoàn thiện, phát triển hạ tầng kỹ thuật (hạ tầng phần cứng, hạ tầng phần mềm), đáp ứng yêu cầu dịch vụ thư viện số theo hướng kết nối mạng lưới hiện đại, linh hoạt theo thời gian thực, số hoá tài nguyên thông tin nhằm phục vụ kết nối liên thông, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với quy mô, đặc thù của từng loại thư viện, sớm hình thành thư viện điện tử, thư viện số; rà soát, nâng cấp, tái cấu trúc các thư viện có vai trò quan trọng để đẩy nhanh việc chuyển đổi, hình thành hạ tầng số, thực hiện cung cấp dữ liệu và kết nối với cơ sở dữ liệu của quốc gia, của bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn, an ninh mạng

- Phát triển dữ liệu số ngành thư viện chương trình tập trung thúc đẩy các dự án số hoá tài liệu và tài nguyên, sản phẩm thư viện trên cơ sở tạo mới và tích hợp với cơ sở dữ liệu số sẵn có theo hướng mở, chú trọng tài nguyên giáo dục mở; khuyến khích các thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng, các tổ chức, cá nhân cùng tham gia số hoá tài nguyên, sản phẩm thông tin thư viện; các dữ liệu, tài nguyên số này sau khi được các cơ quan, tổ chức chuyên môn đánh giá và thẩm định sẽ trở thành một bộ phận quan trọng của tài nguyên số quốc gia, được kết nối đồng bộ với Hệ tri thức Việt số hoá để chia sẻ, sử dụng nhằm lan toả, truyền bá văn hoá.

- Hình thành cơ sở dữ liệu hệ thống định danh các thư viện, cơ quan thông tin và các dịch vụ cung ứng tại thư viện cũng như trên không gian mạng; hỗ trợ, thúc đẩy hợp tác để cung cấp dịch vụ định danh cho người sử dụng; xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ

trực tuyến và phổ biến rộng rãi tới tất cả người dân, có phân biệt các đối tượng đặc thù.

- Xây dựng mục liên hợp phản ánh tài liệu dùng chung và mục liên hợp với một số ngành, lĩnh vực; tăng cường dịch vụ thông tin chuyên đề, đổi mới dịch vụ thông tin thư viện theo hướng cung cấp thông tin và tri thức theo yêu cầu. Đa dạng hoá các dịch vụ thư viện sử dụng tài nguyên số, sản phẩm thông tin số ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

- Xây dựng, tích hợp, kết nối, liên thông, chia sẻ cơ sở dữ liệu, trao đổi tài nguyên thông tin số giữa các thư viện trong cả nước và nước ngoài; hợp tác trong bổ sung, chia sẻ dùng chung cơ sở dữ liệu hoặc quyền truy cập tài nguyên thông tin số.

- Cung cấp dịch vụ trực tuyến (giới thiệu tài nguyên thông tin mới, tra cứu tài nguyên thông tin, mượn/trả, gia hạn tài nguyên thông tin, sao chụp từ xa,...) hỗ trợ học tập, nghiên cứu và giải trí cho người dân; phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động thông minh (điện thoại di động, máy tính bảng,...) để cung cấp các dịch vụ và khả năng truy cập vào các nguồn tài nguyên thông tin của thư viện ở mọi lúc, mọi nơi; xây dựng dữ liệu mở để người dân, cộng đồng, doanh nghiệp, thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng cùng tham gia, góp phần xây dựng hệ sinh thái dữ liệu mở về thư viện và mạng thông tin thư viện quốc gia.

- Có cơ chế, chính sách thu hút tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển thư viện, hệ sinh thái số; khuyến khích việc tài trợ và đóng góp, ủng hộ vật chất cũng như các điều kiện khác thực hiện chuyển đổi số ngành thư viện góp phần xây dựng thành phố thông minh và xây dựng xã hội học tập./.

**Trần Thơm**

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KHCN

# KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC CÂY LÊ

**L**ê là một trong những loại cây ăn quả chính trồng ở các vùng có khí hậu ôn đới. Quả lê có giá trị cao bởi trong thịt quả chứa nhiều chất dinh dưỡng, kết quả phân tích trong quả lê chín có chứa 9,44% đường tổng số; 0,4% axit nitric; 14,9mg/100g vitamin C; phần ăn được chiếm 89,88%, công dụng chính của lê là ăn quả, quả khô dùng làm thuốc trị ỉa, quả tiêu thử, kiện vị, thu liễm. Ngoài ra, quả lê còn có một số đặc điểm và tác dụng như sau: quả lê có vị ngọt, tính mát, có công dụng thanh nhiệt, nhuận táo, sinh tân chỉ khát. Tại một số nước ở Châu Âu quả lê dùng chủ yếu để ăn tươi, sấy khô, làm nước quả. Ở nước ta, quả lê chủ yếu được dùng để ăn tươi, ngoài ra ở một số nơi còn phơi khô ngâm rượu,... lê được trồng ở các tỉnh miền núi phía Bắc phù hợp ở những nơi có độ cao 500 - 1500m so với mực nước biển.

## 1. Chọn đất trồng

Đất có tầng canh tác dày 70cm, có mực nước ngầm thấp. Độ pH: 4.5- 6. Nếu đất có độ pH thấp quá, cần dùng vôi để nâng độ pH lên.

## 2. Thiết kế vườn

Tốt nhất các vườn quả được bố trí cạnh hoặc gần nguồn nước, chủ động nước tưới trong điều kiện khô hạn, có rãnh thoát nước chống úng trong mùa mưa lũ.

Trồng theo hướng Bắc Nam. Mục đích là để tạo khoảng cách giữa các cây thông thoáng, không bị lấp bóng lẫn nhau, giúp cây quang hợp và cành ngang phát triển tốt.



Chăm sóc cho cây lê.

Ảnh: Suu tầm

Đối với đất dốc cần tạo các luống bậc thang rộng 3 - 5m theo đường đồng mức. Sau khi thiết kế vườn trồng xong, tiến hành đào hố để trồng.

## 3. Kỹ thuật đào hố và trồng

\* Kỹ thuật đào hố:

Cây cách cây 3 - 4m, hàng cách hàng 5 - 6m, đào hố sâu 50 - 60cm và rộng 50 - 60cm tùy thuộc vào từng loại đất mà đào hố cho phù hợp (đất xấu đào hố rộng hơn).

Để cây lê phát triển tốt, trước khi trồng chúng ta cần bón lót cho cây. Lượng bón lót cho 01 cây lê như sau: 25kg phân chuồng + 0,2 kg ure + 0,5 kg supe lân + 0,4kg kali + 0,5 kg vôi bột. 100% lượng phân bón lót được trộn đều với đất rồi lấp đầy vào hố sau khoảng 20 ngày đến 30 ngày trồng cây là tốt nhất.

- Thời vụ trồng: Trồng vào mùa xuân khi thời tiết còn ẩm ướt và có mưa phùn hoặc thời gian có mưa



**\* Kỹ thuật trồng**

- Với cây rễ trần, đặt cây vào trong hố, cho đất vào nửa hố, ấn nhẹ đất tiếp xúc với rễ, tưới nước vào hố để cho đất bó sát với rễ. Lấp đất đầy hố sau khi nước đã rút. Đối với cây bầu thì xé bỏ túi bầu, đặt cây vào hố sao cho miệng bầu ngang bằng với mặt đất, dùng tay lấp đất nhỏ xung quanh rồi lèn chặt (tránh làm vỡ bầu). Dùng tay ấn nhẹ cho chặt gốc, tưới nước một lần nữa.

- Cắm cọc định vị, cọc cao khoảng 1,5m. Cắm nghiêng và cách một khoảng nhất định với thân cây để tránh tổn thương rễ, sau dùng dây buộc cây vào cọc.

- Tưới ẩm thường xuyên cho cây trong 15 ngày đầu sau trồng

**4. Phòng trừ cỏ dại và tủ gốc**

**\* Phòng trừ cỏ dại**

- Dùng tay loại bỏ cỏ dại xung quanh gốc.  
 - Phun thuốc trừ cỏ dại dọc theo hàng cây  
 - Kết hợp trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi rìa đường đồng mức để ngăn chặn việc xói mòn và rửa trôi

- Không dùng cuốc để đào bới xung quanh gốc.

**\* Tủ gốc**

- Vật liệu phủ: Rơm rạ, xác thực vật.....  
 - Phủ dày ít nhất từ 10 - 15 cm xung quanh gốc cây ngay sau khi trồng và lặp lại vào mùa xuân năm sau.

- Phủ cách thân cây khoảng 10 cm để tránh bệnh và dịch hại tấn công vào gốc cây.

- Dùng tay nhỏ bỏ cỏ dại khi cỏ mọc qua lớp phủ.

**5. Đồn tỉa tạo tán**

Lê có 3 kiểu tạo tán chính, kiểu hình tháp, hình chữ Y và tán hình phễu. Thông thường đồn tỉa theo kiểu hình phễu là dễ đồn tỉa nhất và cho năng suất ổn định hơn kiểu tán kia.

- Tạo tán hình tháp: thông thường cây lê

phát triển theo phương thẳng đứng và ít phân cành vì vậy ta chỉ áp dụng tạo tán hình tháp với các giống có khả năng phân cành cao. Chọn 1 thân cành chính, từ thân cành chính này để các chi nhánh phụ đều xung quanh thân cây cách nhau 20 cm, cắt bỏ những cành tranh ánh sáng với thân cành chính, dùng dây vít các chi nhánh phụ thành 1 góc 30° so với thân cành chính.

- Tạo tán hình phễu: Sau trồng 6 tháng - 1 năm, cây phát triển được 70cm chúng ta tiến hành bấm ngọn để tạo cành khung cấp. Để lại 4- 6 cành cấp 1, khi cành cấp 1 dài khoảng 1m ta tiến hành vít cành ra xung quanh sao cho tạo một góc 60° so với mặt đất. Sau khi cành cấp 2 mọc được 40 - 45cm đều ra các hướng chúng ta tiến hành cắt tiếp tạo ra cành cấp 3.

Thời gian đồn tỉa thích hợp nhất tỉa vào tháng 11,12 trước khi nụ sưng lên. Trong thời kỳ kinh doanh: đồn vào mùa đông và mùa hè.

**6. Bón phân**

- Khi cây còn nhỏ (1 - 3 tuổi) bón bổ sung 40kg phân hữu cơ + 0,5kg đạm, 1,5kg lân + 0,4kg kali/cây/năm

- Lượng phân trên bón làm 3 lần  
 + Lần 1: vào tháng 2,3: nhằm nuôi lộc xuân và hoa

+ Lần 2: Bón vào tháng 4,5 nhằm nuôi quả non

+ Lần 3: Bón vào tháng 8,9 nhằm phục hồi cây

**7. Phòng trừ sâu bệnh**

Sâu bệnh hại điển hình ảnh hưởng đến quả lê có thể kể đến là loại sâu đục thân. Sâu non xâm nhập vào quả non và cắn phá làm hỏng thối quả non. Để phòng trừ loại sâu này có thể quét vôi ngang gốc cây và phun một số chế phẩm sinh học diệt trừ sâu như Trebon phun đều lên cây làm 2 lần.

Ngoài ra còn một số loại bệnh ảnh hưởng đến cây như bệnh vàng lá và thối rễ. Việc này

đòi hỏi bạn cần đảm bảo đất luôn tơi xốp thoát nước

*\* Ruồi vàng đục quả*

Đây là loại thường phá trên nhiều loại quả: mận, đào, cam, quýt, ổi, lê...

Ruồi đẻ trứng trên vỏ quả, trứng nở thành dòi đục thối quả, quả rụng hoặc không ăn được.

Biện pháp vệ sinh đồng ruộng: thu nhặt và tiêu huỷ các quả thối, rụng bị ruồi hại, có tác dụng hạn chế lớn số lượng ruồi hại quả.

Thu hoạch quả sớm: chọn thời điểm thích hợp nhất thu hoạch quả, không nên để quả quá chín trên cây, hạn chế tác hại của ruồi.

Bao bọc quả: dùng túi bọc quả chuyên dùng 2 lớp để bọc sau khi quả hình thành 20 – 30 ngày bên ngoài là túi nilon mỏng có đục lỗ thoát nước, bên trong là túi xốp trắng để quả không bị râm. Trước khi bọc quả nên phun thuốc trừ nấm bằng Ridomin68WG. Dùng bả: dùng Metyl Eugernol pha với 5% Nalet để làm bả diệt ruồi đục. Cách làm như sau: dùng một mảnh vải nhỏ (chiều rộng 2cm, chiều dài 10cm) nhúng hỗn hợp thuốc đã pha theo tỷ lệ nói trên, treo vào các cành nhỏ dưới tán cây. Phía trên bả cần che mảnh nilon khoảng 15 cm x 15 cm để tránh mưa. Mùi này giống mùi con cái tiết ra để dẫn dụ ruồi đục đến giao phối nên khi chúng kéo đến sà vào bả bị ngộ độc chết hàng loạt do thuốc Nalet. Trứng do ruồi cái đẻ ra không thể thụ tinh thì không nở ra sâu non. Mỗi héc ta treo 4 – 5 bả, cách 1 tuần thay bả một lần. Cần treo bả ngay từ đầu vụ đến sau khi đã thu hoạch xong một tháng nhằm hạn chế sự phát triển của ruồi.

*\* Ruồi đục thân và cành*

Là sâu non của xén tóc (xanh, hoa, hoặc nâu), sâu to bằng đầu dũa, xén tóc đẻ trứng



*Giống Lê VH6 chín sớm hơn các giống Lê bản địa và Lê của Trung Quốc.*

*Ảnh: Suu tầm*

trên kẽ các cành non, sâu non nở ra phá từ cành non xuống dần cành già phía dưới, làm cành héo dần khô và chết. Sâu sống trong đường ống rỗng giữa lõi cành và cứ từng đoạn 18 – 25 cm đục ra ngoài 1 lỗ, miệng lỗ hướng xuống dưới, từ đó đùn ra bột gỗ mới.

Phòng trừ ruồi đục thân và cành bằng cách:

Bắt xén tóc, cắt bỏ và tiêu huỷ những ngọn cành bị héo trong vụ Xuân.

Dùng dây thép nhỏ, tay mây để chọc chết sâu hoặc bắt sâu non.

Dùng bông tẩm thuốc bảo vệ thực vật bịt vào lỗ sâu đục.

Phun các loại thuốc bảo vệ thực vật để diệt trứng sâu.

*\* Bệnh chảy gôm*

Bệnh do nấm gây ra, thường phát sinh ở phần gốc cây, cách mặt đất khoảng 20 – 30 cm trở xuống cổ rễ và phần rễ. Giai đoạn đầu bệnh mới phát sinh thường vỏ cây bị nứt và chảy nhựa (chảy gôm). Bóc lớp vỏ ra, ở phần gỗ bị hại có màu xám và nhìn thấy những mạch sợi đen hoặc nâu chạy dọc theo thớ gỗ. Bệnh hại nặng, lớp vỏ ngoài thối rữa (giống

như bị luộc nước sôi) và rất dễ bị tuột khỏi thân cây, phần gỗ bên trong có màu đen xám. Nếu tất cả xung quanh phần cổ rễ bị hại, cây có thể bị chết ngay, nếu bị một phần thì cây bị vàng úa, sinh trưởng kém, bới sâu xuống dưới có thể thấy nhiều rễ cũng bị thối.

### 8. Thu hoạch

Xác định thời điểm chín của quả, lê

thường chín vào cuối tháng 6 và tháng 7. Khi thu hái cần nhẹ nhàng, không làm dập nát hoặc sây sát quả. Quả thu hái xong cần đặt vào thùng gỗ, hộp cứng để vận chuyển không bị dập nát. Bảo quản quả ở nơi khô ráo thoáng mát.

**Trung Kiên** (Sưu tầm và Biên soạn)

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiến bộ KHCN

## BỆNH ĐẠO ÔN HẠI LÚA ĐÔNG XUÂN 2020-2021

**B**ệnh đạo ôn là một trong những bệnh phổ biến và gây hại có ý nghĩa kinh tế nhất ở các nước trồng lúa trên thế giới. Bệnh được phát hiện đầu tiên ở Italia năm 1560, sau đó là ở Trung Quốc năm 1906, và Ấn Độ năm 1913, vvv... Ở nước ta, Vincens (người pháp) đã phát hiện một số bệnh ở Nam Bộ vào năm 1921. Năm 1951, Roger (người pháp) đã xác định sự xuất hiện và gây hại của bệnh ở vùng Bắc Bộ. Theo Padmanabban (1965) khi lúa đạo ôn cổ bông 1% thì năng suất có thể bị giảm từ 0,7 - 17,4% tùy thuộc vào các yếu tố có liên quan.

Vụ lúa Đông Xuân 2020-2021 tổng diện

tích đã gieo cấy trên địa bàn tỉnh Điện Biên là 9.739,03 ha. Trong đó một số diện tích bệnh đạo ôn đã phát sinh gây hại như huyện Điện Biên, Mường Chà, Mường Nhé, Thành phố Điện Biên Phủ, gây hại tập trung trên các giống nhiễm (Séng cù, Bắc thơm 7, J02, Hana, Đài Thơm,....), khu vực tiền dịch, bón phân không cân đối.

### 1. Triệu chứng:

- Trên lá: Vết bệnh khi mới xuất hiện là những chấm nhỏ màu xanh tái, sau lan rộng có dạng hình thoi hoặc không định hình, có quầng vàng sáng bao quanh, tâm có màu xám



Bệnh đạo ôn trên lá, trên đốt thân, trên hạt lúa.

Ảnh: Sưu tầm

trắng. Khi bệnh nặng các vết bệnh nối liền nhau làm cho lá bị “cháy”, nơi nhiễm nặng có thể cháy trụi hoàn toàn, cây lúa không hồi phục được.

- Trên đốt thân: vết bệnh màu nâu bao quanh đốt thân làm đốt khô, teo lại. Khi trời mưa ẩm, đốt thân bị bệnh mềm nhũn dễ bị gãy dập khi gặp gió, dông

- Cổ bông, cổ gié: vết bệnh ban đầu là một chấm nhỏ màu đen đoạn cổ giáp tai lá, sau lớn dần làm cổ bông héo, bông lúa trắng hoặc lép lửng.

- Trên hạt: vết bệnh màu nâu xám, không định hình. Hạt giống bị bệnh là nguồn bệnh truyền sang vụ khác

## 2. Nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng:

- Nguyên nhân: do nấm *Pyricularia oryzae* gây ra.

- Các yếu tố ảnh hưởng:

+ Thời tiết: ẩm độ không khí cao, mưa nắng xen kẽ, sáng sớm và chiều tối có sương mù rất thuận lợi cho bệnh phát sinh gây hại. Điều kiện tối thích cho bệnh đạo ôn phát sinh gây hại: nhiệt độ 25 - 28°C, ẩm độ không khí trên 93%.

+ Gieo cấy giống nhiễm với mật độ gieo cấy quá dày.

+ Bón phân không cân đối, bón quá nhiều phân đạm thân cây lúa mềm yếu dễ bị bệnh gây hại.

+ Nước: tình trạng khô hạn thiếu nước trên ruộng khiến cây sinh trưởng kém, mất khả năng chống chọi nên bệnh xảy ra nặng.

+ Nấm bệnh lan truyền theo không khí, theo tàn dư cây trồng hoặc ký chủ phụ, giống.

+ Ruộng tiền dịch (vụ trước, năm trước đã bị bệnh gây hại).

## 3. Biện pháp phòng trừ

- Nên chọn hạt giống sạch bệnh. Xử lý hạt giống trước khi ngâm ủ.

- Bón phân cân đối N-P-K, không bón thừa phân đạm. Nên bón phân đạm theo nhu cầu cây lúa, áp dụng bảng so màu lá lúa LCC.

- Sau mùa thu hoạch nên cày vùi rơm rạ để trả lại nguồn hữu cơ cho đất đồng thời diệt được mầm bệnh; hạn chế đốt rơm vì biện pháp này chỉ trả lại một số chất khoáng có trong tro; đất dần dần kém mẫu mỡ mau suy kiệt.

- Vệ sinh đồng ruộng bằng cách thu gom, tiêu diệt cỏ dại mọc ven bờ, tàn dư của vụ trước là nơi lưu tồn và lây lan mầm bệnh sau này.

- Giữ mực nước đầy đủ thường xuyên trên mặt ruộng tùy theo nhu cầu nước theo từng giai đoạn của cây lúa, tránh để ruộng khô nước.

- Cần thăm đồng thường xuyên, phát hiện kịp thời khi bệnh chớm xuất hiện, đặc biệt là những thời kỳ cây lúa miễn cảm với bệnh (thời kỳ lúa làm đòng đến trổ).

- Biện pháp hóa học: phun trừ khi bệnh chớm xuất hiện bằng thuốc hóa học có hoạt chất như Propiconazole, Tricyclazole, Edifenphos,... (Fuji - one 40WP, Bump 650WP, Filia 525SE, Kabum 650WP, Bemsuper 75WP,... ). Nên phun làm 2 lần khi diện tích bị nhiễm có 10% số lá bị bệnh, hoặc khi lúa trổ lác đác (5 -10% số bông). Lần 2 phun sau lần 1 từ 7 - 10 ngày.

Lưu ý: khi bệnh chớm xuất hiện bệnh, ngừng bón phân. Khi phun đảm bảo lượng nước trong ruộng từ 3 - 5 cm. Không được phun cùng với thuốc kích thích sinh trưởng và phân bón lá.

**Bùi Thảo**

Trung tâm Thông tin và Ứng dụng tiên bộ KHCN